

Số: 535 /BC-SKH

Đắk Nông, ngày 23 tháng 10 năm 2018

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư phát triển 10 tháng năm 2018

Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn 5149/UBND-TH ngày 15/10/2018, về việc chuẩn bị nội dung tổ chức Hội nghị đánh giá tình hình kinh tế xã hội, quốc phòng an ninh tháng 10 năm 2018. Sau khi rà soát, phối hợp với Sở Tài chính, Kho bạc nhà nước và các chủ đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo UBND tỉnh tình hình thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư tháng 10, như sau:

I. Tình hình thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư phát triển tháng 10 năm 2018

1. Tình hình thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2018 ước đến hết ngày 31/10/2018 (chi tiết tại phụ lục đính kèm)

Tổng kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2018 do tỉnh quản lý là 2.305,829 tỷ đồng (không gồm các nhiệm vụ cuối năm mới thực hiện giải ngân như: trả nợ vay, hỗ trợ đầu tư các doanh nghiệp công ích, trích lập kinh phí đo đạc, lập bản đồ địa chính với số tiền 99,612 tỷ đồng), trong đó: kế hoạch vốn giao năm 2018 là 2.154,039 tỷ đồng, kế hoạch vốn năm 2017 chuyển nhiệm vụ chi sang năm 2018 là 151,79 tỷ đồng. Ước khối lượng giải ngân đến hết 31/10/2018 đạt 1.017,315 tỷ đồng, đạt 44% tổng kế hoạch, thấp hơn 26% so với cùng kỳ, trong đó: kế hoạch vốn giao năm 2018 đạt 43%, kế hoạch vốn năm 2017 chuyển nhiệm vụ chi sang năm 2018 đạt 60%. Tuy nhiên, so với mặt bằng chung với các tỉnh Tây Nguyên, tỉnh Đắk Nông đứng thứ 3/5 tỉnh sau Lâm Đồng 54% và Gia Lai 45% (kết quả 9 tháng năm 2018 trên Hệ thống thông tin đầu tư công). Chi tiết tình hình giải ngân các nguồn vốn như sau:

(1) Nguồn vốn Cân đối Ngân sách địa phương 656,769 tỷ đồng, trong đó: kế hoạch vốn giao năm 2018 là 625,355 tỷ đồng, kế hoạch vốn năm 2017 chuyển nhiệm vụ chi sang năm 2018 là 31,414 tỷ đồng. Ước giải ngân trong kỳ báo cáo được 53,878 tỷ đồng; lũy kế giải ngân đến 31/10/2018 đạt 439,484 tỷ đồng, đạt 67% kế hoạch, cao hơn 2% so với cùng kỳ. Nguyên nhân giải ngân chậm: Đến nay, số vốn hơn 40 tỷ đồng thông báo sau⁽¹⁾ đang được HĐND tỉnh xem xét lại để phân bổ 24 tỷ đồng giao cho các dự án có nhu cầu (còn khoảng

¹ Trong đó gồm: số vốn thực hiện các chính sách hỗ trợ đã được HĐND tỉnh thông qua, đã bố trí cho 03 dự án được UBND tỉnh phê duyệt triển khai thực hiện năm 2017, còn lại hơn 2,3 tỷ đồng chờ các dự án đủ điều kiện sẽ giao vốn; các nguồn vốn dự kiến giao cho lĩnh vực KHCN, Bảo tàng và Tỉnh lộ 1

16 tỷ đồng⁽²⁾ đang được Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp các chủ đầu tư rà soát, điều chỉnh, dự kiến vào đầu tháng 11/2018); một số dự án còn gặp vướng mắc trong GPMB, hồ sơ pháp lý như dự án Trụ sở làm việc Sở Ngoại vụ tỉnh Đắk Nông; Tượng đài N'Trang Long và phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc 1912 - 1936 (giai đoạn I); Đường dẫn và Cầu kết nối giữa Sân vận động tỉnh và Đường Bắc Nam giai đoạn 2, thị xã Gia Nghĩa⁽³⁾...

(2) Nguồn vốn các Chương trình mục tiêu là 515,865 tỷ đồng, trong đó kế hoạch vốn giao năm 2018 là 484,968 tỷ đồng, kế hoạch vốn năm 2017 chuyển nhiệm vụ chi sang năm 2018 là 30,897 tỷ đồng. Ước khối lượng giải ngân trong kỳ báo cáo được 15,543 tỷ đồng; lũy kế giải ngân đến hết 31/10/2018 đạt 341,73 tỷ đồng, đạt 66% kế hoạch, thấp hơn 12,6% so với cùng kỳ, trong đó: kế hoạch vốn giao năm 2018 đạt 67%, kế hoạch vốn năm 2017 chuyển nhiệm vụ chi sang năm 2018 đạt 57%. Nguyên nhân giải ngân thấp: Một số dự án bị vướng mắc kéo dài, nhất là vướng mắc GPMB như: Đường giao thông liên xã Trường Xuân - Nâm N'Jang, huyện Đắk Song; Đường Đắk Mâm đi Đồn 7(759) - Tỉnh lộ 3 đoạn từ Km0+000 đến Km0+900 và đoạn nối với trục N7 thị trấn Đắk Mâm; Trụ Sở làm việc Đoàn ca múa nhạc dân tộc tỉnh Đắk Nông⁽⁴⁾....; nhiều dự án khởi công mới còn chậm triển khai, đến nay vẫn chưa có khối lượng giải ngân như: Dự án Cấp bách sắp xếp, ổn định dân cư tự do, ổn định an ninh chính trị khu vực biên giới xã Quảng Trục và xã Đắk Ngo, huyện Tuy Đức; Đường vào xã buôn Choah; Ổn định dân cư biên giới xã Quảng Trục, huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông (giai đoạn 2)⁽⁵⁾....

(3) Nguồn vốn chương trình mục tiêu quốc gia là 141,415 tỷ đồng (bao gồm 33,145 tỷ đồng nguồn sự nghiệp), trong đó: kế hoạch vốn giao năm 2018 là 117,548 tỷ đồng, kế hoạch vốn năm 2017 chuyển nhiệm vụ chi sang năm 2018 là 23,867 tỷ đồng. Ước khối lượng giải ngân trong kỳ được 21,436 tỷ đồng; lũy kế giải ngân đến hết 31/10/2018 đạt 64,639 tỷ đồng, đạt 46% kế hoạch, cao hơn 27% so với cùng kỳ, trong đó: kế hoạch vốn giao năm 2018 đạt 36%, kế hoạch vốn năm 2017 chuyển nhiệm vụ chi sang năm 2018 đạt 92%. Nhìn chung, tình hình giải ngân kế hoạch chương trình đã chuyển biến tăng nhẹ so với tháng trước (cao hơn 5%), nhưng còn thấp, nhiều địa phương còn quá chậm, chưa có khối lượng giải ngân như Đắk Song, Cư Jút, Đắk Glong, Gia

² Gồm: nguồn vốn dự kiến giao thực hiện các dự án Bảo tàng, Tỉnh lộ 1; số vốn còn lại để thực hiện chính sách hỗ trợ đã được HĐND tỉnh thông qua.

³ Các dự án này đến nay vẫn chưa có khối lượng giải ngân, một số dự án phải điều chuyển vốn sang cho các dự án có nhu cầu như: Trụ sở làm việc Sở Ngoại vụ tỉnh Đắk Nông; Đường giao thông kết nối khu vực xã Ea Pô, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông với huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk... Riêng dự án Tượng đài N'Trang Long và phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc 1912 - 1936 (giai đoạn I) đến nay đang hoàn thiện hồ sơ để đấu thầu theo ý kiến kết luận của HĐND tỉnh.

⁴ Trụ Sở làm việc Đoàn ca múa nhạc dân tộc tỉnh Đắk Nông bị vướng mắc kéo dài, khả năng không thể tiếp tục thực hiện được, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã tham mưu UBND tỉnh báo cáo Bộ KHĐT cho phép điều chuyển vốn giao cho dự án khác.

⁵ Dự án ổn định dân cư biên giới xã Quảng Trục, huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông (giai đoạn 2) đến nay đã được BQL huyện Tuy Đức tạm ứng hơn 9 tỷ đồng nhưng do năng lực quản lý dự án còn thấp, nên dự án phải chuyển chủ đầu tư sang Ban QLDA các công trình nông nghiệp. Đến nay Ban QLDA các công trình nông nghiệp đang hoàn tất các thủ tục tiếp quản dự án và tổ chức rà soát, điều chỉnh dự án cho phù hợp theo chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh nên dự kiến không thể hoàn thành kế hoạch vốn được giao năm 2018.

Nghĩa và Đắc Mil (chưa có khối lượng giải ngân Chương trình Nông thôn mới).

(4) Nguồn vốn ODA là 426,168 tỷ đồng, ước khối lượng giải ngân trong kỳ báo cáo được 5,3 tỷ đồng; lũy kế giải ngân đến hết 31/10/2018 đạt 128,577 tỷ đồng, đạt 30% kế hoạch; trong đó chỉ có Dự án giảm nghèo khu vực Tây Nguyên, tỉnh Đắk Nông giải ngân tốt, ước giải ngân hết 31/10/2018 đạt 102,3/149 tỷ đồng (70% kế hoạch); các dự án còn lại giải ngân rất chậm, do chủ đầu tư còn chậm triển khai, thi công, ước không hoàn thành kế hoạch năm 2018 giao như: Dự án Chăm sóc sức khỏe nhân dân các tỉnh Tây nguyên giai đoạn 2, tỉnh Đắk Nông (37%), Dự án hỗ trợ xử lý chất thải y tế bệnh viện, tỉnh Đắk Nông (16%), Tiểu dự án sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8) tỉnh Đắk Nông (1%). Tuy nhiên, do các dự án giao trong kế hoạch năm 2018 cơ bản đã được bố trí đủ kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020 nên không thể thực hiện điều chỉnh kế hoạch vốn giao giữa các dự án. Riêng dự án Chương trình mở rộng quy mô nước sạch nông thôn dựa trên kết quả vay vốn Ngân hàng thế giới giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông đến nay mới phân bổ chi tiết được 43,475/110,4 tỷ đồng cho các huyện thực hiện; Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp tục phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn rà soát, đôn đốc các chủ đầu tư để giao số vốn còn lại.

(5) Nguồn vốn TPCP là 565,612 tỷ đồng, trong đó: kế hoạch vốn giao năm 2018 là 500 tỷ đồng để thực hiện dự án Hồ Gia Nghĩa, kế hoạch vốn năm 2017 chuyển nhiệm vụ chi sang năm 2018 là 65,612 tỷ đồng để thực hiện Chương trình kiên cố hóa trường lớp học mầm non và tiểu học giai đoạn 2017 - 2020. Ước khối lượng giải ngân trong kỳ báo cáo được 3,461 tỷ đồng; lũy kế giải ngân đến hết 31/10/2018 đạt 42,885 tỷ đồng, đạt 8% kế hoạch, trong đó: kế hoạch vốn giao năm 2018 đạt 1%, kế hoạch vốn năm 2017 chuyển nhiệm vụ chi sang năm 2018 đạt 62%. Nguyên nhân giải ngân chậm: Đối với kế hoạch vốn năm 2018 chỉ phân bổ cho dự án Hồ Gia Nghĩa thực hiện nhưng đến nay dự án vẫn chưa có khối lượng giải ngân dự án, do năng lực tư vấn thiết kế dự án còn yếu, ngay từ lúc đi vào triển khai xây dựng phê duyệt dự án phải điều chỉnh nhiều lần về quy mô, dẫn đến chậm đi vào triển khai thực hiện. Đối với kế hoạch vốn năm 2017 chuyển nhiệm vụ chi sang năm 2018, các huyện đã có nhiều cố gắng tập trung giải ngân theo chỉ đạo của UBND tỉnh, tuy nhiên, một số huyện như Đắk Song, Đắk Mil, Tuy Đức giải ngân còn thấp.

* Nhìn chung, trong suốt quá trình quản lý và điều hành kế hoạch vốn đầu tư năm 2018, Tỉnh ủy, HĐND tỉnh và UBND tỉnh đã quan tâm, hướng dẫn, đôn đốc chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ triển khai giải ngân, tháo gỡ các vướng mắc cho các dự án trên địa bàn tỉnh. Tuy nhiên, tình hình thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn 10 tháng năm 2018 còn thấp, chưa có nhiều chuyển biến so với tháng trước, do các nguyên nhân kể trên, trách nhiệm này phần lớn thuộc về các chủ đầu tư. Ngoài ra, trong năm 2018, thời tiết mưa nhiều, liên tục cũng gây ảnh hưởng nhiều đến tiến độ giải ngân các dự án.

2. Tiến độ triển khai thực hiện các dự án trọng điểm trên địa bàn tỉnh Đắk Nông:

2.1. Dự án Cơ sở hạ tầng kỹ thuật bên trong và bên ngoài hàng rào Khu công nghiệp Nhân Cơ:

Dự án do Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh làm Chủ đầu tư; lũy kế bố trí vốn đến hết năm 2018 là 735,716 tỷ đồng (ngân sách Trung ương hỗ trợ 530 tỷ đồng; ngân sách tỉnh 205,716 tỷ đồng để thực hiện công tác GPMB). Trong năm 2018, ngân sách Trung ương bố trí 150 tỷ đồng (trong đó, hoàn ứng ngân sách tỉnh 35 tỷ đồng), và tính cho ứng trước kế hoạch năm sau 30 tỷ đồng, nâng tổng kế hoạch sử dụng năm 2018 lên 180 tỷ đồng; ước thực hiện đến hết 31/10/2018 được 151,678 tỷ đồng, đạt 84% kế hoạch sử dụng.

Đến nay, dự án đã triển khai thực hiện cơ bản các hạng mục cơ bản đảm bảo yêu cầu cho Nhà đầu tư Trần Hồng Quân. Chủ đầu tư đang tiếp tục hoàn thiện các hạng mục hạng mục còn lại. Đồng thời, tích cực phối hợp, làm việc với Bộ Xây dựng, Cục hạ tầng kỹ thuật – Bộ Xây dựng để hoàn thiện việc điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi dự án Cơ sở hạ tầng bên trong và bên ngoài hàng rào khu công nghiệp Nhân Cơ với tổng mức đầu tư còn 993 tỷ đồng.

2.2. Dự án Trường cao đẳng cộng đồng:

Dự án được UBND tỉnh phê duyệt đầu tư giai đoạn 01 tại Quyết định số 1721/QĐ-UBND ngày 30/10/2013 và điều chỉnh tại Quyết định 1439/QĐ-UBND ngày 01/9/2017, với tổng mức đầu tư 185,908 tỷ đồng, trong đó: nguồn vốn ngân sách Trung ương 110 tỷ đồng và nguồn NSDP là 75,908 tỷ đồng để thực hiện GPMB. Dự án do Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh làm Chủ đầu tư. Lũy kế vốn bố trí đến năm 2018 là 122,21 tỷ đồng (trong đó: 84,21 tỷ đồng nguồn NSTW, 38 tỷ đồng nguồn NSDP). Trong năm 2018, dự án được bố trí 26 tỷ đồng, trong đó: nguồn ngân sách Trung ương 6 tỷ đồng và nguồn NSDP 20 tỷ đồng, ước giải ngân đến kỳ báo cáo nguồn ngân sách trung ương là 1,827 tỷ đồng, đạt 30%; số vốn nguồn NSDP đang hoàn tất các thủ tục để hoàn ứng ngân sách.

Đến nay, dự án đã thực hiện được 98% khối lượng xây lắp, cơ bản đáp ứng cơ sở hạ tầng thiết yếu đi vào hoạt động sau công bố quyết định thành lập trường. Tuy nhiên, do dự án vẫn chưa ký được Hiệp định vay vốn để tiếp tục triển khai dự án nên kế hoạch vốn giao năm 2018 giải ngân còn thấp (các gói thầu phải tạm dừng chờ sau khi ký Hiệp định mới có cơ sở tiếp tục triển khai).

2.3. Dự án Cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2014-2020:

Dự án được UBND tỉnh phê duyệt đầu tư tại Quyết định số 1643/QĐ-UBND ngày 31/10/2014, với tổng mức đầu tư 711 tỷ đồng, do Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh làm Chủ đầu tư. Trong kế hoạch vốn ngân sách Trung ương giai đoạn 2016-2020, vốn bố trí cho dự án là 91 tỷ đồng. Lũy kế bố trí vốn cho dự án đến năm 2018 là 50 tỷ

đồng; năm 2018 được bố trí 10 tỷ đồng, ước giải ngân đến hết 31/10/2018 được 7,5 tỷ đồng, đạt 75% kế hoạch.

Đến nay, dự án đã hoàn tất gói thầu 02XL, thực hiện đóng điện tại thôn 5 và 6, xã Đăk R' Măng, huyện Đăk Glong; thi công hoàn thành gói thầu 03XL tại thôn Năm Châu, xã Quảng Phú, huyện Krông Nô; hoàn thành lắp đặt, nghiệm thu kỹ thuật với Điện lực Đăk Nông gói thầu 01XL tại thôn Đăk Quoen, thôn Đăk RMăng, Thôn Đăk Krung, Bon ĐNRông B, Bon Mê Ra thuộc xã Quảng Tân, huyện Tuy Đức và thi công hoàn thành trạm mới phát sinh tại thôn Đăk Quoen. Đối với gói thầu số 04XL, hiện đang tổ chức lựa chọn nhà thầu xây lắp tại thôn 11,12 xã Quảng Hòa, huyện Đăk Glong và lựa chọn nhà thầu gói thầu khảo sát, thiết kế bản vẽ thi công tại xã Quảng Tín, huyện Đăk R'lấp.

2.4. Dự án Hồ Gia Nghĩa:

Dự án được Thường trực HĐND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư tại Công văn số 75/HĐND-VP ngày 28/3/2017, với tổng mức đầu tư 915 tỷ đồng, trong đó, vốn TPCP 700 tỷ đồng, còn lại nguồn vốn hợp pháp khác; được UBND tỉnh phê duyệt đầu tư tại Quyết định 1682/QĐ-UBND ngày 19/10/2017, với tổng mức đầu tư là 785 tỷ đồng, nguồn TPCP; và điều chỉnh dự án tại Quyết định 404/QĐ-UBND ngày 26/3/2018, Quyết định số 870/QĐ-UBND ngày 06/6/2018, phân tách dự án thành 2 tiểu dự án: (1) Tiểu dự án GPMB và tái định cư, giao cho UBND thị xã Gia Nghĩa làm chủ đầu tư, với TMĐT 533,765 tỷ đồng; (2) Tiểu dự án đầu tư các công trình hạ tầng kỹ thuật và các hạng mục còn lại của dự án, giao cho Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh làm Chủ đầu tư, với TMĐT 251,235 tỷ đồng.

Năm 2018 dự án được bố trí 500 tỷ đồng; ước giải ngân đến kỳ báo cáo dự án mới bắt đầu đi vào giải ngân tiểu dự án 2, khoảng 2,503 tỷ đồng, đạt 1% kế hoạch. Đến nay, tiến độ triển khai dự án còn rất chậm, cụ thể:

- Đối với tiểu dự án GPMB và tái định cư: tiếp tục kiểm kê, rà soát, hoàn thiện hồ sơ bồi thường cho các đối tượng thuộc dự án, chưa phê duyệt được phương án GPMB.

- Đối với Tiểu dự án đầu tư các công trình hạ tầng kỹ thuật và các hạng mục còn lại của dự án: đang thẩm định, hoàn thiện hồ sơ Thiết kế bản vẽ thi công dự án.

2.5. Đường Đạo Nghĩa - Quảng Khê:

Dự án do Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông tỉnh làm Chủ đầu tư, với tổng mức đầu tư 1.392 tỷ đồng, với chiều dài 46,316km; tuy nhiên, do Ngân sách Trung ương chỉ hỗ trợ cho dự án trong giai đoạn 2015-2020 là 255 tỷ đồng. Để phù hợp với nguồn vốn hỗ trợ của Trung ương, Chủ đầu tư đã trình UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh phân kỳ dự án đầu tư dự án tại Quyết định số 858/QĐ-UBND ngày 24/5/2017; trong đó, tập trung đầu tư xây dựng nền, móng, mặt đường, hệ thống thoát nước, công trình phòng hộ, hệ thống an toàn giao thông và các công việc khác liên quan trong đoạn tuyến từ Km16+014 -:-

Km27+500, với tổng dự toán 247,5 tỷ đồng; các hạng mục còn lại của dự án sẽ thực hiện giai đoạn 2 khi xác định được nguồn vốn đầu tư.

Lũy kế bố trí vốn của dự án đến hết năm 2018 là 203,564 tỷ đồng; do trong năm 2017, dự án được bố trí 75,651 tỷ đồng (bao gồm 45 tỷ đồng nguồn dự phòng NSTW năm 2016), giải ngân đến ngày 31/01/2018 là 30,651 tỷ đồng, chỉ đạt 40,54%, nên trong kế hoạch năm 2018, dự án không được bố trí để tập trung giải ngân số vốn còn lại. Đến nay, dự án mới được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân 15,02 tỷ đồng (vốn kế hoạch năm 2017 giao chưa giải ngân hết), ước đến kỳ báo cáo giải ngân được 15,02 tỷ đồng, đạt 100% kế hoạch. Riêng số vốn 29,977 tỷ đồng nguồn dự phòng NSTW năm 2016 chưa giải ngân hết, đang chờ văn bản của Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tiếp tục giải ngân, dự kiến vào đầu tháng 11/2018.

Đến nay, dự án đã thi công đạt 65% các hạng mục xây lắp đoạn Km16+014-Km28+608; đoạn Km6+485-Km16+014, đang hoàn tất công tác lựa chọn nhà theo kế hoạch và phối hợp với UBND huyện Đắk R'lấp giải phóng mặt bằng để đi vào triển khai thi công.

2.6. Dự án Hạ tầng kỹ thuật kết nối Khu nông nghiệp công nghệ cao của tỉnh:

Dự án được UBND tỉnh phê duyệt đầu tư tại Quyết định số 2011/QĐ-UBND ngày 17/6/2016 và được điều chỉnh tại Quyết định 921/QĐ-UBND 13/6/2018, với tổng mức 26,347 tỷ đồng, để đầu tư đường giao thông dài 673,4m từ nguồn vốn ngân sách tỉnh và thực hiện rà phá bom mìn. Lũy kế bố trí vốn đến năm 2018 là 15,345 tỷ đồng; trong đó năm 2018 là 6 tỷ đồng, ước thực hiện đến kỳ báo cáo đạt 2,969 tỷ đồng, đạt 49% kế hoạch; khối lượng thi công ước đạt khoảng 85% khối lượng hợp đồng và hoàn tất việc rà phá bom mìn.

III. Giải pháp đẩy nhanh giải ngân kế hoạch vốn đầu tư năm 2018 cho các tháng cuối năm

1. Đối với nguồn ngân sách địa phương và nguồn chương trình các mục tiêu:

- Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước và các Chủ đầu tư khẩn trương rà soát, điều chuyển ngay các dự án có khối lượng giải ngân thấp, ước không giải ngân được cho các dự án có nhu cầu; đồng thời, giao thông báo sau số vốn còn lại chưa phân bổ.

- Yêu cầu Sở Tài nguyên Môi trường, UBND các huyện, thị xã có dự án đang đầu tư, phối hợp với các chủ đầu tư kịp thời tháo gỡ các vướng mắc trong phê duyệt phương án GPMB. Riêng các dự án khởi công mới như: Dự án Cấp bách sắp xếp, ổn định dân di cư tự do, ổn định an ninh chính trị khu vực biên giới xã Quảng Trực và xã Đắk Ngo, huyện Tuy Đức; Đường giao thông về xã Buôn Choah, huyện Krông Nô; Ổn định dân cư biên giới xã Quảng Trực, huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông (giai đoạn 2); Đường dẫn và Cầu kết nối giữa Sân vận động tỉnh và Đường Bắc Nam giai đoạn 2, thị xã Gia Nghĩa; Đường giao thông liên xã Thuận Hà - Đắk N'Drung, huyện Đắk Song; yêu cầu các Chủ đầu tư

nghiêm túc rút kinh nghiệm trong việc đã triển khai thực hiện các dự án quá chậm, gây ảnh hưởng đến tiến độ giải ngân chung của cả kế hoạch. Đồng thời, giao các Chủ đầu tư trong 2 tháng cuối năm phải hoàn tất các thủ tục đi vào triển khai dự án và có khối lượng giải ngân trên 50% kế hoạch; trường hợp, đến cuối năm vẫn chưa có khối lượng giải ngân, giải ngân không đạt 50% kế hoạch thì phải chịu trách nhiệm giải trình trước Chủ tịch UBND tỉnh.

2. Đối với Chương trình mục tiêu quốc gia: Đề nghị UBND các huyện Đắc Song, Cư Jut, Đắc Glong Đắc Mil và thị xã Gia Nghĩa rút kinh nghiệm trong việc triển khai thực hiện các Chương trình. Giao các huyện, thị xã tập trung triển khai thực hiện để giải ngân kế hoạch được giao, đặc biệt là số vốn chuyển nhiệm vụ chỉ sang năm 2018, tránh gây kết dư lãng phí nguồn vốn; trường hợp đến cuối năm thực hiện giải ngân không đạt kế hoạch giao thì phải chịu trách nhiệm giải trình trước Chủ tịch UBND tỉnh.

3. Đối với nguồn vốn ODA: Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với các Chủ đầu tư rà soát kế hoạch giao vốn năm 2018, tham mưu UBND tỉnh báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn, giải quyết về số vốn ước không giải ngân được của các dự án. Riêng dự án Chương trình mở rộng quy mô nước sạch nông thôn dựa trên kết quả vay vốn Ngân hàng thế giới giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Đắc Nông, yêu cầu Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong vai trò là cơ quan điều phối của Chương trình, phối hợp chặt chẽ với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các chủ đầu tư đẩy nhanh công tác hoàn thiện hồ sơ, thủ tục triển khai các tiểu dự án đã được bố trí vốn; đồng thời, hoàn thiện hồ sơ, thủ tục giao vốn để kịp thời giao số vốn còn lại trong tháng 11/2018.

4. Đối với nguồn vốn TPCP:

- Yêu cầu UBND các huyện khẩn trương đẩy nhanh tiến độ giải ngân kế hoạch vốn chuyển nhiệm vụ chi của Chương trình kiên cố hóa trường lớp học mầm non và tiểu học giai đoạn 2017-2020; nhất là các huyện đến nay giải ngân còn thấp như các huyện Đắc Song, Tuy Đức, Đắc Mil. Trường hợp, đến hết 31/12/2018, không giải ngân hết kế hoạch vốn giao, để kết dư ngân sách thì phải chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh.

- Đối với dự án Hồ Gia Nghĩa: Yêu cầu các Sở, ban ngành nghiêm túc nhìn nhận ý nghĩa, vai trò của việc triển khai thực hiện dự án, phải coi việc triển khai dự án như một công tác trọng tâm của tỉnh. Phối hợp chặt chẽ với các chủ đầu tư dự án kịp thời tháo gỡ các vướng mắc của dự án. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Sở Tài chính, Sở Tài nguyên Môi trường, Sở Xây dựng theo chức năng nhiệm vụ của mình kịp thời tháo gỡ các vướng mắc của dự án về giá cây trồng, tài sản, vật kiến trúc và bố trí tái định cư, để UBND thị xã Gia Nghĩa sớm được hoàn thiện phương án GPMB, kịp thời đưa dự án đi vào triển khai trong năm 2018. Ngoài ra, yêu cầu Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh phối hợp chặt chẽ với UBND thị xã Gia Nghĩa xử lý dứt điểm những tồn đọng trong công tác GPMB của dự án Cụm công trình thủy lợi Gia Nghĩa; đồng thời, giao cho Sở Tài chính chủ trì, phối hợp Sở Tài nguyên và Môi trường, Kho bạc nhà nước hướng dẫn

UBND thị xã Gia Nghĩa trong việc lập phương án bổ sung, bố trí giải ngân các phương án đã phê duyệt nhưng chưa nhận tiền bồi thường theo đúng quy định.

Yêu cầu Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh khẩn trương hoàn thiện các hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công để phê duyệt như kế hoạch đặt ra, đồng thời, có trách nhiệm trong việc xây dựng thiết kế dự án phải điều chỉnh nhiều lần. Trường hợp, do năng lực đơn vị tư vấn yếu, phải tham mưu UBND tỉnh ngay để kịp thời chuyển đơn vị tư vấn đủ năng lực.

5. Đề nghị các Chủ đầu tư phối hợp các Sở, ban ngành tăng cường giám sát, kiểm tra, đôn đốc các nhà thầu triển khai thi công, đảm bảo chất lượng công trình; kiên quyết xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm hợp đồng. Trường hợp gặp khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện dự án phải báo cáo ngay cho UBND tỉnh để kịp thời tháo gỡ. Nhất là đối với các công trình dự án chào mừng kỷ niệm 15 năm thành lập tỉnh (do tỉnh quản lý) phải tập trung triển khai dự án, đưa các dự án đi vào sử dụng đối với các dự án chuyển tiếp, hoàn thành và đưa các dự án đi vào khởi công mới trong năm 2018 đảm bảo kế hoạch đặt ra.

Sở Kế hoạch và Đầu tư kính báo cáo UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở Tài chính;
- Kho bạc nhà nước;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu VT, THQH (Hương).

GIÁM ĐỐC



Lưu Văn Trung

Phụ lục 01
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ NĂM 2018 ƯỚC ĐẾN HẾT NGÀY 31/10/2018
(Kèm theo Báo cáo số 35/BC-SKH ngày 2 tháng 10 năm 2018 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Nông)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chương trình/ngành, lĩnh vực	Tổng số kế hoạch			Kế hoạch vốn năm 2017 được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài			Kế hoạch năm 2018			Ước khối lượng giải ngân được trong tháng 10/2018				Ước khối lượng giải ngân từ đầu năm đến hết ngày 31/10/2018					Tỷ lệ giải ngân			Ghi chú	
		Tổng số	Trong nước	Nước ngoài	Tổng số	Trong nước	Nước ngoài	Tổng số	Trong nước	Nước ngoài	Tổng số	KH 2018		KH 2017 kéo dài		Tổng số	KH 2018		KH 2017 kéo dài		Tỷ lệ giải ngân của tổng kế hoạch	Tỷ lệ giải ngân kế hoạch vốn giao năm 2018		Tỷ lệ giải ngân kế hoạch vốn chuyển nhiệm vụ chi sang 2018
												Trong nước	Nước ngoài	Trong nước	Nước ngoài		Trong nước	Nước ngoài	Trong nước	Nước ngoài				
TỔNG SỐ		2.305.829	1.879.661	426.168	151.790	151.790	0	2.154.039	1.727.871	426.168	99.618	79.242	5.300	15.076	0	1.017.315	797.397	128.577	91.341	0	44%	43%	60%	
I	VỐN ĐTPT NGUỒN NSNN	2.305.829	1.879.661	426.168	151.790	151.790	-	2.154.039	1.727.871	426.168	99.618	79.242	5.300	15.076	-	1.017.315	797.397	128.577	91.341	-	44%	43%	60%	
1	Vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương (không bao gồm các khoản trả nợ vay và hỗ trợ doanh nghiệp)	656.769	656.769	-	31.414	31.414		625.355	625.355		53.878	51.556		2.322		439.484	428.148		11.336		67%	68%	36%	
2	Các chương trình mục tiêu	515.865	515.865	-	30.897	30.897		484.968	484.968		15.543	14.091		1.452		341.730	324.000		17.730		66%	67%	57%	
3	Các chương trình mục tiêu quốc gia (bao gồm vốn sự nghiệp)	141.415	141.415	-	23.867	23.867		117.548	117.548		21.436	13.595	-	7.841	-	64.639	42.746	-	21.893	-	46%	36%	92%	
-	Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững	59.201	59.201		15.953	15.953		43.248	43.248		7.242	1.001		6.241		28.135	12.182		15.953		48%	28%	100%	
-	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	82.214	82.214		7.914	7.914		74.300	74.300		14.194	12.594		1.600		36.504	30.564		5.940		44%	41%	75%	
4	Vốn nước ngoài (ODA)	426.168	-	426.168	-			426.168		426.168	5.300	-	5.300	-		128.577		128.577			30%	30%		
5	Vốn TPCP	565.612	565.612	-	65.612	65.612		500.000	500.000		3.461	-		3.461		42.885	2.503	0	40.382	0	8%	1%	62%	
-	Thủy lợi	500.000	500.000		-			500.000	500.000		-	-		-		2.503	2.503				1%	1%		
-	Chương trình kiên cố hóa trường lớp học	65.612	65.612		65.612	65.612		-			3.461	-		3.461		40.382			40.382		62%		62%	

Phụ lục 02

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CÓ TỶ LỆ GIẢI NGÂN ĐẾN 15/10/2018 CÒN CHẠM

(Kèm theo Báo cáo số 535 /BC-SKH ngày 23 tháng 10 năm 2018 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Nông)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn - Danh mục công trình (dự án)	Mã dự án	Mã ngành kinh tế	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư được cấp thẩm quyền giao KH các năm			Lũy kế bố trí vốn đến hết năm 2017		Kế hoạch vốn được giải ngân trong năm 2018			Tình hình giải ngân kế hoạch đến hết 15/10/2018			Tỷ lệ giải ngân kế hoạch		Nguyên nhân	Ghi chú
					Số quyết định	TMDT	Trong đó: NSNN	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN	Tổng kế hoạch năm 2018	Trong đó		Tổng kế hoạch năm 2018	Trong đó		Tổng kế hoạch năm 2018	Kế hoạch giao năm 2018		
											Kế hoạch giao năm 2018	Kế hoạch năm 2017 kéo dài		Kế hoạch giao năm 2018	Kế hoạch năm 2017 kéo dài				
TỔNG SỐ						10.725.589	7.722.491	1.155.612	1.019.100	1.846.086	1.707.662	138.424	437.718	375.071	62.647	24%	22%		
A	NGUỒN NSDP					3.309.602	1.553.224	637.867	500.855	494.543	476.495	18.048	176.563	175.387	1.176	36%	37%		
I	Các dự án hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2017					759.510	384.501	343.338	231.607	68.608	62.160	6.448	11.298	10.145	1.153	16%	16%		
	<i>Nguồn thu sử dụng đất</i>																		
2	Hoàn ứng bồi thường, GPMB và tái định cư khu vực quy hoạch thao trường bắn đạn thật xã Đức Xuyên	7004686	468	Bộ chỉ huy quân sự tỉnh	1450/QĐ-UBND 17/7/2013	12.739	10.000	5.000	5.000	5.000	5.000		0	0		0%	0%		Hoàn ứng
4	Bồi thường tài sản gắn liền với đất (cây cao su) của Công ty Cổ phần cao su Đắknoruco tại xã Đắk Bukso, huyện Tuy Đức	7661107	362	Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Đắk Nông	1704/QĐ-UBND 27/10/2017	4.632	4.632			4.632	4.632		832	832		18%	18%		Hoàn ứng
5	Hệ thống hạ tầng kỹ thuật khu đô thị mới Đắk Nĩa, đô thị Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông	7032763	292	Sở Xây dựng tỉnh Đắk Nông	1328/QĐ-UBND 22/02/2004; 1236/QĐ-UBND 07/9/2011; 20/QĐ-SXD	129.000	129.000	105.218	105.218	11.005	11.000	5	0	0		0%	0%		
6	Doanh trại cơ quan quân sự thị xã Gia Nghĩa	7004686	011	BCH quân sự thị xã Gia Nghĩa	1722/QĐ-UBND, 26/10/2010	39.649	39.649	27.655	27.655	12.900	6.500	6.400	1.153		1.153	9%	0%		
10	Trường cao đẳng cộng đồng tỉnh Đắk Nông (giai đoạn I)	7122739	093	Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Đắk Nông.	1439/QĐ-UBND 01/9/2017	185.909	75.909			20.000	20.000		0			0%	0%		1172/QĐ-TTg 28/7/2015; Hoàn ứng cho NSDP; (đền bù, GPMB)
11	Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình: Trung tâm Thương mại Gia Nghĩa	7330251	362	Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Đắk Nông	683/QĐ-UBND 01/6/2012	2	2			2	2		0			0%	0%		(Bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho hộ (Ông): Trần Văn Khanh)
12	Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình: Trung tâm Thương mại Gia Nghĩa	7330251	362	Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Đắk Nông	541/QĐ-UBND 11/4/2013 (UBND thị xã)	85	85			85	85		0			0%	0%		(Bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho hộ (Bà): Lê Thị Thủy Tiên)

STT	Nguồn vốn - Danh mục công trình (dự án)	Mã dự án	Mã ngành kinh tế	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư được cấp thẩm quyền giao KH các năm			Lũy kế bố trí vốn đến hết năm 2017		Kế hoạch vốn được giải ngân trong năm 2018			Tình hình giải ngân kế hoạch đến hết 15/10/2018			Tỷ lệ giải ngân kế hoạch		Nguyên nhân	Ghi chú
					Số quyết định	TMDT	Trong đó: NSNN	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN	Tổng kế hoạch năm 2018	Trong đó		Tổng kế hoạch năm 2018	Trong đó		Tổng kế hoạch năm 2018	Kế hoạch giao năm 2018		
											Kế hoạch giao năm 2018	Kế hoạch năm 2017 kéo dài		Kế hoạch giao năm 2018	Kế hoạch năm 2017 kéo dài				
	<i>Nguồn xố số kết thiết</i>																		
14	Trung tâm y tế huyện Đắk Mil	7154260	131	Sở Y tế	146/QĐ-SKH, 18/9/2009	9.444	9.444	8.293	8.293	772	772		176	176		23%	23%		
	<i>Nguồn Cân đối NSDP</i>									0									
16	Trung tâm quan trắc Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Nông	7371035	251	Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Nông	2209/QĐ-UBND, 28/12/2010; 1438/QĐ-UBND 22/9/2015	12.839	12.839	10.486	10.486	1.044	1.000	44	0	0	0	0%	0%	Đã cam kết giải ngân	
18	Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Tâm Thắng	7009755	292	Công ty phát triển hạ tầng KCN Tâm Thắng	1101/QĐ-UBND, 24/7/2015	216.412	64.412	57.676	57.676	6.736	6.736		3.368	3.368		50%	50%	Đã cam kết giải ngân	2124/QĐ-UBND 28/12/2015
28	Điểm trường tiểu học - mẫu giáo, điểm sinh hoạt cộng đồng, thuộc dự án quy hoạch di dời dân cư vùng ngập lụt thôn Nam Dao, xã Năm Ndir, huyện Krông Nô	7444951	071	Chi cục Phát triển nông thôn tỉnh Đắk Nông.	1861/QĐ-UBND 23/11/2010; 51/QĐ-SKH 09/09/2011; 184/QĐ-SKH 10/9/2014	2.973	2.973	1.774	1.774	903	903		562	562		62%	62%	Đã cam kết giải ngân	
35	Chợ Nông sản huyện Tuy Đức	7204011	321	UBND huyện Tuy Đức	1472/QĐ-UBND 15/12/2009	7.684	7.684			142	142		117	117		82%	82%	Đã cam kết giải ngân	Ngân sách Trung ương dừng hỗ trợ chuyển về NSDP;
43	Công trình thủy lợi Quảng Thuận, xã Đạo Nghĩa, huyện Đắk RLấp (thuộc cụm CTTL Đắk RLấp - Đắk Song)	7094752	283	UBND huyện Đắk RLấp	169a/QĐ-SKH 13/10/2006	5.056	5.056			8	8		0	0		0%	0%	Đã cam kết giải ngân	Ngân sách Trung ương dừng hỗ trợ chuyển về NSDP; 63/QĐ-STC
46	Đường giao thông liên xã Quảng Khê - Đắk Ha, huyện Đắk G'Long	7065326	292	UBND huyện Đắk G'long	1104/QĐ-UBND, 30/8/2007; 222/QĐ-UBND, 5/02/2010; 912/QĐ-UBND, 04/7/2011, 2199/QĐ-UBND	133.086	22.816	127.236	15.505	5.380	5.380		5.090	5.090		95%	95%	Đã cam kết giải ngân	Đổi ứng ODA; 849/QĐ-UBND 24/5/2017
II	Các dự án chuyển tiếp, hoàn thành sau năm 2017					1.059.501	467.098	294.529	269.248	131.033	124.344	6.689	30.102	30.102	0	23%	24%		
	<i>Nguồn thu sử dụng đất</i>																		
	<i>Nguồn xố số kết thiết</i>																		

STT	Nguồn vốn - Danh mục công trình (dự án)	Mã dự án	Mã ngành kinh tế	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư được cấp thẩm quyền giao KH các năm			Lũy kế bố trí vốn đến hết năm 2017		Kế hoạch vốn được giải ngân trong năm 2018			Tình hình giải ngân kế hoạch đến hết 15/10/2018			Tỷ lệ giải ngân kế hoạch		Nguyên nhân	Ghi chú
					Số quyết định	TMDT	Trong đó: NSNN	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN	Tổng kế hoạch năm 2018	Trong đó		Tổng kế hoạch năm 2018	Trong đó		Tổng kế hoạch năm 2018	Kế hoạch giao năm 2018		
											Kế hoạch giao năm 2018	Kế hoạch năm 2017 kéo dài		Kế hoạch giao năm 2018	Kế hoạch năm 2017 kéo dài				
6	Sửa chữa cục bộ một số hạng mục thuộc Bệnh viện đa khoa tỉnh Đắk Nông	7597978	132	Sở Y tế tỉnh Đắk Nông	166/QĐ-SXD 31/10/2016	8.573	8.573	5.300	5.300	2.400	2.400		0	0		0%	0%		
7	Trạm y tế xã Quảng Trục	7601292	132	Ban quản lý các dự án huyện Tuy Đức	1528/QĐ-UBND 28/10/2016; 386/QĐ-UBND 07/3/2017	5.427	5.000	2.500	2.500	3.324	2.100	1.224	0	0		0%	0%		
10	Dự án hỗ trợ xử lý chất thải trên địa bàn tỉnh Đắk Nông			Sở Y tế tỉnh Đắk Nông	147/QĐ-BYT, 21/01/2011, Quyết định số 2355/QĐ-TTg ngày 06/12/2016	45.672	6.290	1.000	1.000										Đổi ứng ODA
-	Xử lý chất thải rắn y tế và hệ thống xử lý nước thải Bệnh viện Đa khoa huyện Đắk R'Lấp, thuộc Dự án Hỗ trợ xử lý chất thải Bệnh viện.	7582571	132							267	267	0	0			0%	0%		
-	Xử lý chất thải rắn y tế Bệnh viện đa khoa huyện Cư Jut thuộc dự án Hỗ trợ xử lý chất thải bệnh viện	7582564	132							248	248		0			0%	0%		
-	Xử lý chất thải rắn y tế Bệnh viện đa khoa huyện Đắk Song thuộc dự án Hỗ trợ xử lý chất thải bệnh viện	7582561	132							246	246		0			0%	0%		
-	Xử lý chất thải rắn y tế Bệnh viện đa khoa tỉnh Đắk Nông, thuộc dự án Hỗ trợ xử lý chất thải bệnh viện	7582556	132							395	395		0			0%	0%		
-	Xử lý chất thải rắn y tế Bệnh viện đa khoa huyện Tuy Đức, thuộc dự án Hỗ trợ xử lý chất thải bệnh viện	7582546	132							229	229		0			0%	0%		
-	Xử lý chất thải rắn y tế Bệnh viện đa khoa huyện Đắk Mil, thuộc dự án Hỗ trợ xử lý chất thải bệnh viện	7582575	132							248	248		0			0%	0%		
-	Xử lý chất thải rắn y tế Bệnh viện đa khoa huyện Đắk G'Long, thuộc dự án Hỗ trợ xử lý chất thải bệnh viện	7582577	132							243	243		0			0%	0%		

STT	Nguồn vốn - Danh mục công trình (dự án)	Mã dự án	Mã ngành kinh tế	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư được cấp thẩm quyền giao KH các năm			Lũy kế bố trí vốn đến hết năm 2017		Kế hoạch vốn được giải ngân trong năm 2018			Tình hình giải ngân kế hoạch đến hết 15/10/2018			Tỷ lệ giải ngân kế hoạch		Nguyên nhân	Ghi chú
					Số quyết định	TMDT	Trong đó: NSNN	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN	Tổng kế hoạch năm 2018	Trong đó		Tổng kế hoạch năm 2018	Trong đó		Tổng kế hoạch năm 2018	Kế hoạch giao năm 2018		
											Kế hoạch giao năm 2018	Kế hoạch năm 2017 kéo dài		Kế hoạch giao năm 2018	Kế hoạch năm 2017 kéo dài				
-	Xử lý chất thải rắn y tế Bệnh viện đa khoa huyện Krông Nô, thuộc dự án Hỗ trợ xử lý chất thải bệnh viện	7582580	132							224	224		0			0%	0%		
11	Trường THPT Nguyễn Đình Chiểu, xã Đắk Ru, huyện Đắk R'Lấp (giai đoạn 1)	7413694	074	UBND huyện Đắk R'Lấp	703/QĐ-UBND, 17/5/2013; 2416/QĐ-UBND 28/12/2016	35.132	35.132	32.497	32.497	2.000	2.000		1.000	1.000		50%	50%		
Nguồn Cân đối NSDP																			
12	Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện Đắk G'Long	7372595	085	UBND huyện Đắk G'long	39/QĐ-SXD 29/3/2016; 142/QĐ-SXD 09/9/2016	13.743	13.743	11.050	11.050	1.000	1.000		61	61		6%	6%		
13	Trường THPT chuyên tỉnh Đắk Nông (giai đoạn 2)	7387303	074	Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đắk Nông	1403/QĐ-UBND, 26/10/2012; 2082/QĐ-UBND, 5/12/2013; 1093/QĐ-UBND 01/7/2016	67.745	67.745	54.143	54.143	7.129	6.500	629	2.197	2.197		31%	34%		
14	Trường THCS Hoàng Văn Thụ, xã Quảng Sơn, huyện Đắk G'Long	7602295	073	Ban quản lý dự án huyện Đắk G'Long	1888/QĐ-UBND 31/10/2016; 860/QĐ-UBND 24/5/2017	23.600	18.000	8.200	8.200	6.792	6.792		3.613	3.613		53%	53%		
18	Trung tâm giáo dục thường xuyên huyện Tuy Đức	7606899	075	Ban quản lý các dự án huyện Tuy Đức	172/QĐ-SXD 31/10/2016; 132/QĐ-SXD 12/6/2017	11.473	11.473	4.000	4.000	6.499	5.700	799	2	2	0	0%	0%		
24	Ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan Đảng tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2016-2020	7593784	103	Văn phòng Tỉnh ủy Đắk Nông	1891/QĐ-UBND 31/10/2016	14.991	14.991	2.500	2.500	7.700	7.700		4.413	4.413		57%	57%		
25	Hạ tầng kỹ thuật thiết yếu Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	7564669	103	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Đắk Nông	2011/QĐ-UBND 15/7/2016	19.500	19.500	9.345	9.345	6.000	6.000		2.969	2.969		49%	49%		

STT	Nguồn vốn - Danh mục công trình (dự án)	Mã dự án	Mã ngành kinh tế	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư được cấp thẩm quyền giao KH các năm			Lũy kế bố trí vốn đến hết năm 2017		Kế hoạch vốn được giải ngân trong năm 2018			Tình hình giải ngân kế hoạch đến hết 15/10/2018			Tỷ lệ giải ngân kế hoạch		Nguyên nhân	Ghi chú
					Số quyết định	TMBĐT	Trong đó: NSNN	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN	Tổng kế hoạch năm 2018	Trong đó		Tổng kế hoạch năm 2018	Trong đó		Tổng kế hoạch năm 2018	Kế hoạch giao năm 2018		
											Kế hoạch giao năm 2018	Kế hoạch năm 2017 kéo dài		Kế hoạch giao năm 2018	Kế hoạch năm 2017 kéo dài				
26	Bổ sung công nghệ, thiết bị của trạm xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Tâm Thắng	7479595	262	Công ty phát triển hạ tầng KCN Tâm Thắng	1584/QĐ-UBND, 20/10/2014; 88/QĐ-SXD 7/7/2016; 24/QĐ-SXD 28/3/2017	20.640	20.640	16.295	16.295	2.000	2.000		0	0		0%	0%		
27	Tiểu hoa viên cây xanh tại Khu Trung tâm thương mại Gia Nghĩa.	7503768	321	UBND thị xã Gia Nghĩa	354/QĐ-UBND, 17/3/2015	9.089	9.089	6.012	6.012	2.000	2.000		127	127		6%	6%		
30	Đường hầm Sờ chỉ huy cơ bản huyện Tuy Đức	7004686	011	Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh	1893/QĐ-UBND 31/10/2016	27.476	27.476	7.300	7.300	9.037	9.000	37	3.734	3.734		41%	41%		
32	Trụ sở làm việc Sở Ngoại vụ tỉnh Đắk Nông	7369418	341	Sở Ngoại vụ tỉnh Đắk Nông	1895/QĐ-UBND 31/10/2016	19.319	19.319	5.000	5.000	10.000	10.000		0	0		0%	0%	Vướng mắc GPMB, đề xuất điều chuyển vốn	
33	Đường Tô Hiến Thành (kéo dài) nối khu Trung tâm thị xã Gia Nghĩa đến đường Quang Trung	7408339	292	Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình thị xã Gia Nghĩa	119/QĐ-SKH 19/6/2013; 327/QĐ-UBND 11/12/2017	20.017	14.576	4.000	4.000	13.500	9.500	4.000	5.484	5.484		41%	58%		
34	N'Trang Long và phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc 1912 - 1936 (giai đoạn I).	7329421	161	Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Đắk Nông.	1013/QĐ-SKH, 17/12/2014	67.758	12.799	21.275	5.152	7.647	7.647	0	164	164		2%	2%		Tượng đài Anh hùng N'Trang Long và các dân tộc Tây Nguyên
35	Bổ sung cho Ngân sách huyện Krông Nô để thực hiện dự án Sửa chữa, nâng cấp đường vào khu vực Hang động núi lửa huyện Krông Nô			UBND huyện Krông Nô		3.740	1.900	1.200	1.200	700	700		0	0		0%	0%		Phân cấp có mục tiêu cho NS cấp huyện
36	Kinh phí hỗ trợ nhà ở cho người có công với cách mạng theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg				1365/QĐ-UBND 30/8/2013; 1187/QĐ-UBND 13/8/2014	47.627	19.847	22.000	12.842	7.005	7.005		3.645	3.645		52%	52%		Đổi ứng NSTW
37	Đường giao thông liên xã Đắk Som -Đắk R'Măng, huyện Đắk Glong	7278049	292	UBND huyện Đắk G'long	782/QĐ-UBND, 11/6/2010	107.670	107.670	80.012	80.012	10.000	10.000		401	401		4%	4%		CT MTQG hỗ trợ 30a/NQ-CP
39	Dự án chuyển đổi nông nghiệp bền vững tại Việt Nam (dự án VNSat) tỉnh Đắk Nông	7544044	281	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Đắk Nông	1974/QĐ-UBND 08/12/2015	260.679	33.335	900	900	5.001	5.000	1	2.292	2.292		46%	46%		Đổi ứng ODA

STT	Nguồn vốn - Danh mục công trình (dự án)	Mã dự án	Mã ngành kinh tế	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư được cấp thẩm quyền giao KH các năm			Lũy kế bố trí vốn đến hết năm 2017		Kế hoạch vốn được giải ngân trong năm 2018			Tình hình giải ngân kế hoạch đến hết 15/10/2018			Tỷ lệ giải ngân kế hoạch		Nguyên nhân	Ghi chú
					Số quyết định	TMDT	Trong đó: NSNN	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN	Tổng kế hoạch năm 2018	Trong đó		Tổng kế hoạch năm 2018	Trong đó		Tổng kế hoạch năm 2018	Kế hoạch giao năm 2018		
											Kế hoạch giao năm 2018	Kế hoạch năm 2017 kéo dài		Kế hoạch giao năm 2018	Kế hoạch năm 2017 kéo dài				
43	Sửa chữa và Nâng cao an toàn đập (WB8), tỉnh Đắk Nông	7593791	283	Ban quản lý tiểu dự án sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8)	4638/QĐ-BNN-HTQT 09/44/2015	229.630				19.200	19.200		0	0		0%	0%		Nguồn Chính phủ vay về cho vay lại
III	Các dự án khởi công mới 2018					612.158	200.100	0	0	51.341	51.341	0	10.484	10.484	0	20%	20%		
	Nguồn thu sử dụng đất																		
1	Đường bờ Đông hồ Trung tâm	7624264	292	Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình thị xã Gia Nghĩa	1723/QĐ-UBND 31/10/2017	155.558	40.000			4.000	4.000		401	401		10%	10%		Bổ trí GPMB
2	Đường bờ Tây hồ trung tâm	7624255	292	Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình thị xã Gia Nghĩa	1720/QĐ-UBND 31/10/2017	202.000	12.000			3.918	3.918		1.161	1.161		30%	30%		Bổ trí GPMB
3	Dự án kết nối các trục đường khu đô thị số 4 thị xã Gia nghĩa	7395740	292	Sở Xây dựng tỉnh Đắk Nông.	991/QĐ-UBND ngày 12/6/2017	173.500	83.500			5.000	5.000		280	280		6%	6%		Bổ trí GPMB
	Nguồn xỏ số kết thiết									0									
4	Sửa chữa Bệnh viện Đa khoa tỉnh phục vụ Đề án Bệnh viện vệ tinh.	7661108	132	Sở Y tế tỉnh Đắk Nông	298/QĐ-UBND 30/10/2017	5.000	5.000			4.028	4.028		2.000	2.000		50%	50%		
	Nguồn Cân đối NSDP									0			0						
5	Đường giao thông kết nối khu vực xã Ea Pô, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông với huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk	7660820	292	Ban Quản lý các Dự án huyện Cư Jút.	1751/QĐ-UBND 31/10/2017	20.000	16.000			9.000	9.000		0			0%	0%		
6	Đường giao thông liên xã Thuận Hà - Đắk N'Drung, huyện Đắk Song.	7660870	292	Ban Quản lý các dự án Đắk Song.	2569/QĐ-UBND 31/10/2017	8.500	7.500			4.000	4.000		1.210	1.210		30%	30%		
9	Đường dẫn và Cầu kết nối giữa Sân vận động tỉnh và Đường Bắc Nam giai đoạn 2, thị xã Gia Nghĩa	7660868	292	Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng công trình thị xã Gia Nghĩa	1750/QĐ-UBND 31/10/2017	20.000	13.500			7.395	7.395		311	311		4%	4%		
10	Trụ sở làm việc Đội quản lý thị trường huyện Đắk R'Lấp	7657588	341	Sở Công thương tỉnh Đắk Nông.	299/QĐ-SXD 30/10/2017	4.000	4.000			2.000	2.000		1.024	1.024		51%	51%		

STT	Nguồn vốn - Danh mục công trình (dự án)	Mã dự án	Mã ngành kinh tế	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư được cấp thẩm quyền giao KH các năm			Lũy kế bố trí vốn đến hết năm 2017		Kế hoạch vốn được giải ngân trong năm 2018			Tình hình giải ngân kế hoạch đến hết 15/10/2018			Tỷ lệ giải ngân kế hoạch		Nguyên nhân	Ghi chú
					Số quyết định	TMDT	Trong đó: NSNN	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN	Tổng kế hoạch năm 2018	Trong đó		Tổng kế hoạch năm 2018	Trong đó		Tổng kế hoạch năm 2018	Kế hoạch giao năm 2018		
											Kế hoạch giao năm 2018	Kế hoạch năm 2017 kéo dài		Kế hoạch giao năm 2018	Kế hoạch năm 2017 kéo dài				
12	Trụ sở làm việc HĐND - UBND xã Đắk Lao (giai đoạn 1)	7657998	341	Ban Quản lý dự án xây dựng Đắk Mil.	300/QĐ-UBND 30/10/2017	10.000	5.000			2.500	2.500		1.354	1.354		54%	54%		
14	Nhà làm việc Báo Đắk Nông điện tử	7660869	171	Báo Đắk Nông	294/QĐ-SXD 30/10/2017	4.000	4.000			2.000	2.000		1.216	1.216		61%	61%		
15	Sửa chữa Trung tâm Hội nghị và sân đường bộ	7661355	341	Sở Văn hoá – Thể thao và Du lịch tỉnh Đắk Nông.	298/QĐ-SXD 30/10/2017	2.600	2.600			1.500	1.500		517	517		34%	34%		
19	Sửa chữa, cải tạo các hạng mục công trình cơ quan Ban Chỉ huy quân sự huyện Tuy Đức	7004686	011	Ban Chỉ huy Quân sự huyện Tuy Đức	301/QĐ-SXD, ngày 30/10/2017	3.000	3.000			2.000	2.000		1.010	1.010		51%	51%		
23	Hỗ trợ có mục tiêu cho Ngân sách cấp huyện: Sửa chữa, nâng cấp trạm cấp nước xã Đức Xuyên (khu vực nhiễm Asen)			UBND huyện Krông Nô		2.000	2.000			2.000	2.000		0			0%	0%		Hỗ trợ có mục tiêu cho huyện
24	Hỗ trợ mục tiêu cho thị xã Gia Nghĩa thực hiện dự án Hoa viên cây xanh khu vực cầu vượt Bộ đội biên phòng tỉnh Đắk Nông (QL 14 đoạn qua TX.Thị xã)			UBND thị xã Gia Nghĩa		2.000	2.000			2.000	2.000		0			0%	0%		Hỗ trợ có mục tiêu cho huyện
IV	Các nguồn Phân cấp và Thông báo sau					0	0	0	0	238.650	238.650	0	124.656	124.656	0	52%	52%		
1	Phân cấp cho huyện, thị xã									193.650	193.650		120.000	120.000		62%	62%		
2	Chuẩn bị đầu tư									5.000	5.000		0			0%	0%	Đang xin ý kiến HĐND tỉnh để giao vốn và điều chỉnh kế hoạch vốn	
3	Thực hiện các chính sách hỗ trợ đã được HĐND tỉnh thông qua									7.000	7.000	0	4.656	4.656	0	67%	67%		
-	Dự án trường mầm non tư thục Thò Ngọc				1219/QĐ-UBND 26/7/2017					1.701	1.701		1.701	1.701		100%	100%		
-	Dự án chợ Quảng tín				1135/QĐ-UBND 06/7/2017					1.866	1.866		1.866	1.866		100%	100%		
-	Dự án nhà máy gạch không nung công nghệ cao				1134/QĐ-UBND 06/7/2017					1.089	1.089		1.089	1.089		100%	100%		

STT	Nguồn vốn - Danh mục công trình (dự án)	Mã dự án	Mã ngành kinh tế	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư được cấp thẩm quyền giao KH các năm			Lũy kế bố trí vốn đến hết năm 2017		Kế hoạch vốn được giải ngân trong năm 2018			Tình hình giải ngân kế hoạch đến hết 15/10/2018			Tỷ lệ giải ngân kế hoạch		Nguyên nhân	Ghi chú
					Số quyết định	TMDT	Trong đó: NSNN	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN	Tổng kế hoạch năm 2018	Trong đó		Tổng kế hoạch năm 2018	Trong đó		Tổng kế hoạch năm 2018	Kế hoạch giao năm 2018		
											Kế hoạch giao năm 2018	Kế hoạch năm 2017 kéo dài		Kế hoạch giao năm 2018	Kế hoạch năm 2017 kéo dài				
-	Thông báo sau									2.344	2.344		0			0%	0%	Đang hoàn tất thủ tục để hỗ trợ cho các dự án	
4	Thông báo sau (dự kiến bố trí cho dự án Tỉnh lộ 1)									11.000	11.000		0			0%	0%	Đang xin ý kiến HĐND tỉnh để giao vốn và điều chỉnh kế hoạch vốn	
5	Thông báo sau (dự kiến bố trí cho dự án Bảo tàng)									10.000	10.000		0			0%	0%		
6	Thông báo sau nguồn bố trí cho Khoa học công nghệ									12.000	12.000		0			0%	0%		
V	Các dự án chuyển nhiệm vụ chi 2017 sang năm 2018					878.433	501.525	0	0	4.910	0	4.910	23	0	23	0%			
1	Đường Bắc Nam giai đoạn 2	7177456	223	Sở Giao thông Vận tải	1529/QĐ-UBND, 06/10/2009	193.320	193.320			2.940		2.940	0			0%			
2	Hạ tầng kỹ thuật Khu nhà ở cán bộ, chiến sĩ Công an tỉnh Đắk Nông (Sùng Đức)	7004692	471	Công an tỉnh	1244/QĐ-UBND, 13/9/2008	17.810	17.810			0		0	0			0%			
3	Cấp nước sinh hoạt thuộc Công trình: Khu nhà ở cán bộ chiến sỹ Công an tỉnh Đắk Nông (khu vực Tỉnh lộ 4)	7004692	471	Công an tỉnh	11/QĐ-SKH 28/01/2011	3.814	3.814			0		0	0			0%			
4	Hạ tầng kỹ thuật khu nhà ở cán bộ, chiến sỹ Công an tỉnh Đắk Nông (Khu Hồ Đại la, giai đoạn 1)	7004692	471	Công an tỉnh	176/QĐ-UBND, 31/01/2013	31.062	31.062			306		306	0			0%			
5	Hỗ trợ tiền thuê nhà cho các hộ dân bị thu hồi đất thuộc dự án Trụ sở làm việc Công an tỉnh, Phòng CSPCCC, Phòng CSGT Công an tỉnh	7004692	471		1241/QĐ-UBND 14/8/2015; 1238/QĐ-UBND 20/7/2016	2.011	2.011			1		1	0			0%			
6	Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Chi cục văn thư - Lưu trữ tỉnh (lần 2)	7278057	463	Sở Nội vụ	768/QĐ-UBND 27/6/2014	203	203			3		3	0			0%			
7	Trường THPT chuyên tỉnh Đắk Nông (giai đoạn 1)	7279895	494	Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đắk Nông	1254/QĐ-UBND, 09/02/2009 và 470/QĐ-UBND, 08/4/2013	33.940	33.940			109		109	0			0%			

STT	Nguồn vốn - Danh mục công trình (dự án)	Mã dự án	Mã ngành kinh tế	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư được cấp thẩm quyền giao KH các năm			Lũy kế bố trí vốn đến hết năm 2017		Kế hoạch vốn được giải ngân trong năm 2018			Tình hình giải ngân kế hoạch đến hết 15/10/2018			Tỷ lệ giải ngân kế hoạch		Nguyên nhân	Ghi chú
					Số quyết định	TMDT	Trong đó: NSNN	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN	Tổng kế hoạch năm 2018	Trong đó		Tổng kế hoạch năm 2018	Trong đó		Tổng kế hoạch năm 2018	Kế hoạch giao năm 2018		
											Kế hoạch giao năm 2018	Kế hoạch năm 2017 kéo dài		Kế hoạch giao năm 2018	Kế hoạch năm 2017 kéo dài				
8	Trường THCS Nguyễn Tất thành, thị trấn Gia Nghĩa	7048523	493	UBND thị xã Gia Nghĩa	1141/QĐ-UBND 10/11/2004; 1462/QĐ-UBND 22/11/2006	8.267	8.267			1		1	0			0%			
9	Nhà trẻ xã Ea Pô thuộc dự án Quy hoạch ổn định dân di cư tự do khu vực Cồn Dầu xã Ea Pô, huyện Cư Jut (HM: nhà sinh hoạt, nhà phục vụ, trang thiết bị, sân,...)	7317148	491	Ban quản lý các dự án huyện Cư Jut	901/QĐ-UBND, 21/5/2012	2.754	578			16		16	0			0%			
10	Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học tỉnh Đắk Nông	7445946	495	Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đắk Nông	1359/QĐ-UBND, 12/9/2014	14.131	14.131			1.123		1.123	0			0%			
11	Dự án nâng cấp, mở rộng hệ thống công nghệ thông tin các cơ quan Đảng tỉnh Đắk Nông	7369389	373	Văn phòng Tỉnh ủy Đắk Nông	1350/QĐ-UBND 19/10/2012	6.246	6.246			0		0	0			0%			
12	Xây dựng hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến trong các cơ quan Đảng tỉnh Đắk Nông	7534039	461	Văn phòng Tỉnh ủy Đắk Nông	1145/QĐ-UBND, 29/7/2015; 1342/QĐ-UBND, 04/9/2015	8.631	8.631			1		1	0			0%			
13	Nâng cấp Cổng thông tin điện tử tỉnh Đắk Nông	7560225	373	Văn phòng UBND tỉnh	21/QĐ-STTTT 29/3/2016	2.999	2.999			1		1	0			0%			
14	Phần mềm văn phòng điện tử trong các cơ quan nhà nước tỉnh Đắk Nông	7560453	373	Văn phòng UBND tỉnh	21a/QĐ-STTTT 29/3/2016	2.999	2.999			0		0	0			0%			
15	Trạm Y tế xã Đắk Wil, huyện Cư Jut, tỉnh Đắk Nông	7579987	521	Ban quản lý các dự án huyện Cư Jút	564B/QĐ-UBND 30/3/2016	5.000	5.000			9		9	0			0%			
16	Đường giao thông lên thao trường tổng hợp của lực lượng vũ trang tỉnh tại xã Đức Xuyên	7430574	223	UBND huyện Krông Nô	230/QĐ-SKH, 31/10/2013	11.536	11.536			1		1	0			0%			
17	Sửa chữa, nâng cấp hồ Đắk Láp, xã Đắk Gân, huyện Đắk Mil	7481226	016	Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Đắk Nông	01/QĐ-SKH, 06/01/2014; 235/QĐ-SKH, 30/10/2014	7.173	7.173			0		0	0			0%			

STT	Nguồn vốn - Danh mục công trình (dự án)	Mã dự án	Mã ngành kinh tế	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư được cấp thẩm quyền giao KH các năm			Lũy kế bố trí vốn đến hết năm 2017		Kế hoạch vốn được giải ngân trong năm 2018			Tình hình giải ngân kế hoạch đến hết 15/10/2018			Tỷ lệ giải ngân kế hoạch		Nguyên nhân	Ghi chú
					Số quyết định	TMDT	Trong đó: NSNN	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN	Tổng kế hoạch năm 2018	Trong đó		Tổng kế hoạch năm 2018	Trong đó		Tổng kế hoạch năm 2018	Kế hoạch giao năm 2018		
											Kế hoạch giao năm 2018	Kế hoạch năm 2017 kéo dài		Kế hoạch giao năm 2018	Kế hoạch năm 2017 kéo dài				
18	Đường cứu nạn, cứu hộ xã Buôn Choah, huyện Krông Nô	7309792	223	UBND huyện Krông Nô	764/QĐ-UBND, 0/656 17/5/2011	73.505	73.505			0		0	0			0%			
19	Nhà khách tỉnh Đắk Nông	7284927	461	Văn phòng Tỉnh ủy Đắk Nông	1832/QĐ-UBND, 11/11/2013	75.571	28.808			280		280	0			0%			
20	Đường vành đai 2, đoạn từ Trạm Y tế phường Nghĩa Phú đến cuối đường Lê Hồng Phong (Giai đoạn 1)	7409568	223	UBND thị xã Gia Nghĩa	988/QĐ-UBND, 28/6/2013	34.351	13.000			0		0	0			0%			
21	Điều chỉnh, mở rộng đường Lê Lai, thị xã Gia Nghĩa	7396085	223	UBND thị xã Gia Nghĩa	461/QĐ-UBND, 03/4/2013	5.691	5.691			1		1	0			0%			
22	Đường đến khu sản xuất suối Đắk Dri	7385135	223	Ban quản lý dự án huyện Krông Nô	2337/QĐ-UBND, 31/10/2012; 1962/QĐ-UBND 09/7/2014	2.779	2.221			0		0	0			0%			
23	Trung tâm bảo trợ xã hội tỉnh Đắk Nông	7155335	438	Sở Lao động Thương binh và xã hội	2129/QĐ-UBND 28/12/2012	2.609	2.609			0		0	0			0%			
24	Trụ sở làm việc HĐND - UBND xã Đắk Ngo; Hạng mục: Trụ sở làm việc	7593189	463	UBND huyện Tuy Đức	1978/QĐ-UBND, 15/12/2010	1.710	1.710			0		0	0			0%			
25	Tháp ăng ten tự đứng huyệnĐăk Glong, tỉnh Đắk Nông	7366784	253	Đài phát thanh truyền hình tỉnh	97/QĐ-SKH; 231/QĐ-SKH, 31/10/2013	4.053	4.053			13		13	0			0%			
26	Nâng cấp công trình thủy lợi Sapa Bu Đắk, xã Thuận An, huyện Đắk Mil	7118420	016	Công ty TNHH MTV Cà phê Thuận An.	181/QĐ-UBND, 30/10/2008; 162/QĐ-UBND, 28/10/2009	7.729	59			59		59	23		23	39%			
27	Cấp nước sinh hoạt tập trung xã Nam Đà, huyện Krông Nô	7042301	134	UBND huyện Krông Nô	58/QĐ-SKH 03/6/2008; 615/QĐ-UBND 14/11/2012	5.863	5.863			0		0	0			0%			
28	Cấp nước sinh hoạt tập trung xã Đắk R'Tiêh, huyện Tuy Đức	7070911	134	UBND huyện Tuy Đức	03/QĐ-SKH 06/01/2009	1.024	1.024			0		0	0			0%			

STT	Nguồn vốn - Danh mục công trình (dự án)	Mã dự án	Mã ngành kinh tế	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư được cấp thẩm quyền giao KH các năm			Lũy kế bố trí vốn đến hết năm 2017		Kế hoạch vốn được giải ngân trong năm 2018			Tình hình giải ngân kế hoạch đến hết 15/10/2018			Tỷ lệ giải ngân kế hoạch		Nguyên nhân	Ghi chú
					Số quyết định	TMDT	Trong đó: NSNN	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN	Tổng kế hoạch năm 2018	Trong đó		Tổng kế hoạch năm 2018	Trong đó		Tổng kế hoạch năm 2018	Kế hoạch giao năm 2018		
											Kế hoạch giao năm 2018	Kế hoạch năm 2017 kéo dài		Kế hoạch giao năm 2018	Kế hoạch năm 2017 kéo dài				
29	Tiểu dự án tỉnh Đắk Nông, thuộc dự án Phát triển đô thị vừa và nhỏ khu vực Miền Trung	7073572	134	Công ty cổ phần cấp nước và Phát triển đô thị tỉnh	1571/QĐ-UBND 20/10/2011	306.305	7.916			0		0	0			0%			
30	Phương án bổ sung tiền thuê nhà dự án Đường nối 2 trung tâm hành chính tỉnh thuộc khu 131,5 ha Sùng Đức	7109602	223	Trung tâm đo đạc và tư vấn TNMT	489/QĐ-UBND 16/9/2009	10	10			0		0	0			0%			
31	Bổ sung tiền thuê nhà cho các hộ dân bị thu hồi đất thuộc dự án Khu số 3 Sùng Đức	7109594	463	Trung tâm đo đạc và tư vấn TNMT	1506/QĐ-UBND 30/9/2009	5	5			0		0	0			0%			
32	Cải tạo hội trường Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Đắk Nông	7004686	468	Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Đắk Nông	172/QĐ-SXD 31/10/2016; 213/QĐ-SXD 08/8/2017	2.981	2.981			37		37	0			0%			
33	Đầu tư xây dựng tường rào, cổng, nhà bảo vệ và đường vào Trụ sở Tỉnh đoàn Đắk Nông và Trung tâm thanh thiếu nhi tỉnh	7601854	462	Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh Đắk Nông	169/QĐ-SXD 31/10/2016; 188/QĐ-SXD 13/12/2016	2.351	2.351			7		7	0			0%			
B	Ngân sách trung ương hỗ trợ các Chương trình mục tiêu					5.341.042	4.316.835	517.745	518.245	218.348	187.451	30.897	68.430	51.576	16.854	31%	28%		
I	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trước năm 2017					334.720	334.720	287.503	287.503	18.325	14.843	3.482	5.152	4.621	531	28%	31%		
	Chương trình mục tiêu Phát triển kinh tế - xã hội các vùng					334.720	334.720	287.503	287.503	18.325	14.843	3.482	5.152	4.621	531	28%	31%		
1	Nâng cấp công trình thủy lợi Đăk Ru 1, xã Đăk Ru, huyện Đăk R'Lấp	7330649	283	UBND huyện Đăk R'lấp	227/QĐ-SKH, 30/10/2013	15.205	15.205	14.886	14.886	249	143	106	0	0		0%	0%	hết nhu cầu thanh toán, xin điều chuyển	155/QĐ-STC 17/11/2016
7	Đường Đăk Mâm đi Đôn 7(759) - Tỉnh lộ 3 đoạn từ Km0+000 đến Km0+900 và đoạn nối với trục N7 thị trấn Đăk Mâm	7385219	292	UBND huyện Krông Nô	1432/QĐ-UBND, 31/10/2012; 1838/QĐ-UBND 12/8/2016	78.035	78.035	67.500	67.500	5.071	3.000	2.071	437	228	209	9%	8%		
8	Đường vào xã Đăk Hòa, huyện Đăk Song	7381271	292	UBND huyện Đăk Song	357/QĐ-UB 05/6/2009; 1438/QĐ-UBND 31/10/2012	56.653	56.653	46.417	46.417	4.500	4.500		2.286	2.286		51%	51%		

STT	Nguồn vốn - Danh mục công trình (dự án)	Mã dự án	Mã ngành kinh tế	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư được cấp thẩm quyền giao KH các năm			Lũy kế bố trí vốn đến hết năm 2017		Kế hoạch vốn được giải ngân trong năm 2018			Tình hình giải ngân kế hoạch đến hết 15/10/2018			Tỷ lệ giải ngân kế hoạch		Nguyên nhân	Ghi chú
					Số quyết định	TMDT	Trong đó: NSNN	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN	Tổng kế hoạch năm 2018	Trong đó		Tổng kế hoạch năm 2018	Trong đó		Tổng kế hoạch năm 2018	Kế hoạch giao năm 2018		
											Kế hoạch giao năm 2018	Kế hoạch năm 2017 kéo dài		Kế hoạch giao năm 2018	Kế hoạch năm 2017 kéo dài				
13	Đường giao thông liên xã Trường Xuân - Năm N'Jang, huyện Đắk Song (giai đoạn 1: Từ Quốc lộ 14 đi thôn 8 xã Trường Xuân)	7359622	292	UBND huyện Đắk Song	1465/QĐ-UBND 06/10/2011	29.155	29.155	25.000	25.000	1.000	1.000		0	0		0%	0%		
14	Đường giao thông Đức An - Nam Bình, huyện Đắk Song	7429701	292	UBND huyện Đắk Song	1718/QĐ-UBND, 30/10/2013	40.000	40.000	33.000	33.000	2.500	2.500		1.107	1.107		44%	44%		
15	Đường vành đai phía Tây Nam, huyện Đắk Song	7407659	292	UBND huyện Đắk Song	1720/QĐ-UBND, 30/10/2013	37.000	37.000	30.900	30.900	2.982	1.700	1.282	300	0	300	10%	0%		
16	Đường giao thông từ trung tâm thị trấn Kiên Đức đi liên xã Kiên Thành - Nghĩa Thắng, huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông	7380136	292	UBND huyện Đắk R'Lấp	1433/QĐ-UBND, 31/10/2012; 805/QĐ-CTUBND 05/4/2013; 3237/QĐ-CTUBND 18/11/2013	78.672	78.672	69.800	69.800	2.022	2.000	22	1.022	1.000	22	51%	50%		
II	Dự án chuyển tiếp sang năm 2018					1.798.172	936.813	228.742	228.742	84.025	75.968	8.057	32.548	32.401	147	39%	43%		
	Chương trình mục tiêu Phát triển kinh tế - xã hội các vùng					137.493	137.493	94.769	94.769	19.000	11.000	8.000	1.974	1.827	147	10%	17%		
1	Trụ Sở làm việc Đoàn ca múa nhạc dân tộc tỉnh Đắk Nông	7246173	161	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	1029/QĐ-UBND, 14/7/2010;	27.493	27.493	16.559	16.559	13.000	5.000	8.000	147		147	1%	0%	Vướng mắc hồ sơ dự án, đề xuất điều chuyển vốn	
2	Trường cao đẳng cộng đồng tỉnh Đắk Nông (giai đoạn I).	7122739	093	Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Đắk Nông.	1721/QĐ-UBND 30/10/2013; 463/QĐ-UBND 28/3/2016; 1439/QĐ-UBND	110.000	110.000	78.210	78.210	6.000	6.000		1.827	1.827		30%	30%	Chờ ký hiệp định	
	Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững					60.464	41.998	18.157	18.157	9.057	9.000	57	1.008	1.008	0	11%	11%		
5	Nâng cao năng lực phòng cháy, chữa cháy rừng cho lực lượng Kiểm lâm tỉnh Đắk Nông	7053323	282	Chi cục kiểm lâm tỉnh Đắk Nông	216/QĐ-UBND, 03/02/2016	60.464	41.998	18.157	18.157	5.057	5.000	57	1.008	1.008		20%	20%		(Giai đoạn 2015-2020)

STT	Nguồn vốn - Danh mục công trình (dự án)	Mã dự án	Mã ngành kinh tế	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư được cấp thẩm quyền giao KH các năm			Lũy kế bố trí vốn đến hết năm 2017		Kế hoạch vốn được giải ngân trong năm 2018			Tình hình giải ngân kế hoạch đến hết 15/10/2018			Tỷ lệ giải ngân kế hoạch		Nguyên nhân	Ghi chú
					Số quyết định	TMDT	Trong đó: NSNN	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN	Tổng kế hoạch năm 2018	Trong đó		Tổng kế hoạch năm 2018	Trong đó		Tổng kế hoạch năm 2018	Kế hoạch giao năm 2018		
											Kế hoạch giao năm 2018	Kế hoạch năm 2017 kéo dài		Kế hoạch giao năm 2018	Kế hoạch năm 2017 kéo dài				
6	Chương trình phát triển và bảo vệ rừng									4.000	4.000		0			0%	0%		
	Chương trình mục tiêu Tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp và phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư					90.000	90.000	50.000	50.000	5.000	5.000	0	2.188	2.188	0	44%	44%		
8	Công trình thủy lợi Suối Đá, xã Quảng Hòa, huyện Đắk Glong.	7609760	283	Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Đắk Nông.	988/QĐ-UBND 12/6/2017	90.000	90.000	50.000	50.000	5.000	5.000		2.188	2.188		44%	44%		
	Chương trình cấp điện nông thôn miền núi và hải đảo					711.000	604.350	40.000	40.000	10.000	10.000	0	5.891	5.891	0	59%	59%		
10	Dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện Quốc gia tỉnh Đắk Nông, giai đoạn 2014-2020	7487081	302	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Đắk Nông	1643/QĐ-UBND, 31/10/2014	711.000	604.350	40.000	40.000	10.000	10.000		5.891	5.891		59%	59%		
	Chương trình mục tiêu phát triển văn hóa					57.847	17.136	8.736	8.736	3.000	3.000	0	633	633	0	21%	21%		
11	Bảo tồn, phát huy giá trị lịch sử các địa điểm về phong trào đấu tranh chống thực dân Pháp của đồng bào Mnông do N Trang Long lãnh đạo	7287706	161	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	243/QĐ-UBND, 17/02/2014	57.847	17.136	8.736	8.736	3.000	3.000		633	633		21%	21%		
	Chương trình mục tiêu hỗ trợ đối ứng ODA					741.368	45.836	17.080	17.080	10.000	10.000	0	3.798	3.798	0	38%	38%		
14	Dự án Giảm nghèo khu vực Tây nguyên - tỉnh Đắk Nông	7344152	341	Ban Quản lý dự án Giảm nghèo khu vực Tây Nguyên, tỉnh Đắk Nông.	1702/QĐ-UBND, 29/10/2013	453.817	26.460	8.580	8.580	5.000	5.000		2.088	2.088		42%	42%		

STT	Nguồn vốn - Danh mục công trình (dự án)	Mã dự án	Mã ngành kinh tế	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư được cấp thẩm quyền giao KH các năm			Lũy kế bố trí vốn đến hết năm 2017		Kế hoạch vốn được giải ngân trong năm 2018			Tình hình giải ngân kế hoạch đến hết 15/10/2018			Tỷ lệ giải ngân kế hoạch		Nguyên nhân	Ghi chú
					Số quyết định	TMDT	Trong đó: NSNN	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN	Tổng kế hoạch năm 2018	Trong đó		Tổng kế hoạch năm 2018	Trong đó		Tổng kế hoạch năm 2018	Kế hoạch giao năm 2018		
											Kế hoạch giao năm 2018	Kế hoạch năm 2017 kéo dài		Kế hoạch giao năm 2018	Kế hoạch năm 2017 kéo dài				
15	Chăm sóc sức khỏe nhân dân các tỉnh Tây Nguyên giai đoạn 2 tỉnh Đắk Nông.	7512882	131	Ban quản lý Dự án "Chăm sóc sức khỏe nhân dân tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2.	696/QĐ-UBND 18/5/2015	287.551	19.376	8.500	8.500	5.000	5.000		1.710	1.710		34%	34%		
III	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2018-2020					562.468	515.468	450	450	75.600	75.600	0	9.651	9.651	0	13%	13%		165.140
	Chương trình mục tiêu Phát triển kinh tế - xã hội các vùng					562.468	515.468	450	450	75.600	75.600	0	9.651	9.651	0	13%	13%		
2	Ôn định dân cư biên giới xã Quảng Trục, huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông (giai đoạn 2).	7663298	429	Ban Quản lý các dự án huyện Tuy Đức	1716/QĐ-UBND 31/10/2017	300.000	300.000	0	0	30.000	30.000		9.331	9.331		31%	31%	Đang chuyển chủ đầu tư	
3	Dự án Cấp bách sắp xếp, ổn định dân di cư tự do, ổn định an ninh chính trị khu vực biên giới xã Quảng Trục và xã Đắk Ngo, huyện Tuy Đức	7665019	429	Sở Nông nghiệp và PTNT	1717/QĐ-UBND 31/10/2017; 689/QĐ-UBND 09/05/2018	182.000	135.000	0	0	30.000	30.000		120	120		0%	0%	Đang điều chỉnh thiết kế	
4	Đường giao thông về xã Buôn Choah, huyện Krông Nô	7556410	292	Ban Quản lý dự án huyện Krông Nô	1718/QĐ-UBND 31/10/2017	80.468	80.468	450	450	15.600	15.600		200	200		1%	1%	Chậm hoàn tất hồ sơ để triển khai thi công	
IV	Chuẩn bị đầu tư và giải phóng mặt bằng					1.160.770	1.044.922	1.050	1.550	21.040	21.040	0	4.903	4.903	0	23%	23%		
	Chương trình mục tiêu Phát triển kinh tế - xã hội các vùng					1.070.770	960.322	1.050	1.550	18.000	18.000	0	4.588	4.588	0	25%	25%		
1	Đường giao thông liên xã Trúc Sơn - Cư K'Nia - Đắk Đrông - Nam Dong	7558664	292	Ban quản lý các dự án huyện Cư Jút	1719/QĐ-UBND 31/10/2017	90.000	90.000	500	500	1.000	1.000		0	0		0%	0%	Đề xuất điều chuyển	
2	Đường bờ Tây Hồ trung tâm.	7624255	292	Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng công trình thị xã Gia Nghĩa	1720/QĐ-UBND 31/10/2017	120.000	120.000	0	0	2.000	2.000		604	604		30%	30%		
3	Nâng cấp các trục đường giao thông chính thị trấn Đắk Mil	7654941	292	Ban Quản lý dự án xây dựng Đắk Mil	1721/QĐ-UBND 31/10/2017	83.000	83.000	0	0	1.500	1.500		774	774		52%	52%		

STT	Nguồn vốn - Danh mục công trình (dự án)	Mã dự án	Mã ngành kinh tế	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư được cấp thẩm quyền giao KH các năm			Lũy kế bố trí vốn đến hết năm 2017		Kế hoạch vốn được giải ngân trong năm 2018			Tình hình giải ngân kế hoạch đến hết 15/10/2018			Tỷ lệ giải ngân kế hoạch		Nguyên nhân	Ghi chú
					Số quyết định	TMDT	Trong đó: NSNN	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN	Tổng kế hoạch năm 2018	Trong đó		Tổng kế hoạch năm 2018	Kế hoạch giao năm 2018	Kế hoạch năm 2017 kéo dài	Tổng kế hoạch năm 2018	Kế hoạch giao năm 2018		
4	Đầu tư mua sắm thiết bị thuộc Đài phát thanh và truyền hình tỉnh Đắk Nông	7665500	201	Đài Phát thanh Truyền hình tỉnh	82/HĐND-VP 28/3/2017; 1078/QĐ-UBND 30/6/2017	119.890	45.000	0	0	1.000	1.000		173	173		17%	17%	Chậm triển khai	
5	Đường giao thông từ trung tâm huyện Đắk Song đi xã Thuận Hà và xã Đắk N'drung	7656296	292	Ban Quản lý các dự án Đắk Song.	1722/QĐ-UBND 31/10/2017	82.000	82.000	0	0	2.000	2.000		721	721		36%	36%	Chậm triển khai	
6	Đường Bờ Đông Hồ trung tâm	7624264	292	Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng công trình thị xã Gia Nghĩa	1723/QĐ-UBND 31/10/2017	155.558	120.000	0	0	2.500	2.500		1.093	1.093		44%	44%	Chậm triển khai	
9	Đường vành đai phía Đông huyện Đắk Song	7542809	292	Ban Quản lý các dự án Đắk Song	1749/QĐ-UBND 31/10/2017	85.000	85.000	550	550	1.000	1.000		100	100		10%	10%	Chậm triển khai	
10	Trụ sở HĐND-UBND huyện Đắk R'lấp	7654412	341	Ban quản lý dự án xây dựng huyện Đắk R'lấp	86/HĐND-VP 28/3/2017	70.164	70.164			1.500	1.500		365	365		24%	24%	Chậm triển khai	
11	Kết nối các trục đường Khu đô thị số 4, thị xã Gia Nghĩa	7395740	292	Sở Xây dựng tỉnh Đắk Nông.	81/HĐND-VP 28/3/2017; 991/QĐ-UBND ngày 12/6/2017	90.000	90.000			2.000	2.000		212	212		11%	11%	Chậm triển khai	
12	Đường vào xã Ea Pô, huyện Cư Jút	7655327	292	Ban quản lý các dự án huyện Cư Jút	77/HĐND-VP 28/3/2017	90.000	90.000			2.000	2.000		457	457		23%	23%	Chậm triển khai	
14	Nâng cấp đường tỉnh lộ 4 đoạn nội thị trấn Đắk Mâm	7556407	292	Ban Quản lý Dự án huyện Krông Nô.	83/HĐND-VP 28/3/2017	85.158	85.158		500	1.500	1.500		89	89		6%	6%	Chậm triển khai	
	Chương trình mục tiêu Phát triển hệ thống trợ giúp xã hội					45.000	45.000	0	0	1.000	1.000	0	0	0	0	0%	0%		
15	Trung tâm bảo trợ xã hội tỉnh Đắk Nông	7155335	398	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Đắk Nông.	85/HĐND-VP 28/3/2017	45.000	45.000	0	0	1.000	1.000		0			0%	0%	Chậm triển khai	
	Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số					45.000	39.600	0	0	2.040	2.040	0	315	315	0	15%	15%		
16	Trung tâm Chăm sóc sức khỏe sinh sản tỉnh Đắk Nông.	7661109	139	Sở Y tế tỉnh Đắk Nông.	1715/QĐ-UBND 30/10/2017	45.000	39.600	0	0	2.040	2.040		315	315		15%	15%	Chậm triển khai	
V	Các dự án chuyển nhiệm vụ chi 2017 sang năm 2018					1.484.912	1.484.912	0	0	19.358	0	19.358	16.176	0	16.176	84%			

STT	Nguồn vốn - Danh mục công trình (dự án)	Mã dự án	Mã ngành kinh tế	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư được cấp thẩm quyền giao KH các năm			Lũy kế bố trí vốn đến hết năm 2017		Kế hoạch vốn được giải ngân trong năm 2018			Tình hình giải ngân kế hoạch đến hết 15/10/2018			Tỷ lệ giải ngân kế hoạch		Nguyên nhân	Ghi chú
					Số quyết định	TMDT	Trong đó: NSNN	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN	Tổng kế hoạch năm 2018	Trong đó		Tổng kế hoạch năm 2018	Trong đó		Tổng kế hoạch năm 2018	Kế hoạch giao năm 2018		
											Kế hoạch giao năm 2018	Kế hoạch năm 2017 kéo dài		Kế hoạch giao năm 2018	Kế hoạch năm 2017 kéo dài				
1	Tháp ăng ten tự đứng huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông	7366783		Đài Phát thanh Truyền hình tỉnh	168/QĐ-SKH, 29/8/2013; 247/QĐ-SKH, 12/11/2013	3.695	3.695			0		0	0			0%			
2	Hạ tầng khu dân cư BĐBP và khu tái định cư nhân dân (Khu A)	7004686		Bộ đội chỉ huy bộ đội Biên phòng tỉnh Đắk Nông	28/QĐ-SKH, 05/5/2011	18.864	18.864			0		0	0			0%			
3	Đường giao thông từ quốc lộ 14 đi trung tâm cụm xã Đắk R'tiê, huyện Đắk R'lấp	7095945		UBND huyện Đắk R'lấp	294/QĐ-UBND 08/3/2006; 665/QĐ-UBND 19/5/2010	27.921	27.921			357		357	0			0%			
4	Trụ sở làm việc Quỹ đầu tư phát triển tỉnh Đắk Nông	7384918		Quỹ đầu tư phát triển Đắk Nông	1436/QĐ-UBND, 31/10/2012	16.072	16.072			93		93	0			0%			
5	Kè chống sạt lở Buôn Knha xã Đắk Wil, huyện Cư Jut	7263765		UBND huyện Cư Jut	103/QĐ-SKH, 06/7/2010; 41/QĐ-SKH, 10/8/2011	13.540	13.540			12		12	0			0%			
6	Đường vào Sở chỉ huy thời chiến (công trình ST01)	7004686		Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Đắk Nông	926/QĐ-UBND, 21/6/2013	15.000	15.000			0		0	0			0%			
7	Trụ sở làm việc Huyện ủy Đắk G'Long	7131606		Huyện Ủy Đắk G'Long	123/QĐ-SKH 18/8/2006; 167/QĐ-SKH 13/10/2006; 16/QĐ-SKH 07/03/2007	6.736	6.736			15		15	0			0%			
9	Nghĩa trang thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông	7196277		UBND thị xã Gia Nghĩa	227/QĐ-SKH, 30/10/2013	15.205	15.205			1		1	0			0%			
10	Xây tường rào đài tưởng niệm huyện Tuy Đức	7307908		UBND huyện Tuy Đức	47/QĐ-SKH, 29/9/2011	17.783	17.783			156		156	0			0%			
11	Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản tỉnh Đắk Nông	7391958		Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản tỉnh Đắk Nông	1630A/QĐ-UBND, 31/10/2012	1.340	1.340			352		352	0			0%			

STT	Nguồn vốn - Danh mục công trình (dự án)	Mã dự án	Mã ngành kinh tế	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư được cấp thẩm quyền giao KH các năm			Lũy kế bố trí vốn đến hết năm 2017		Kế hoạch vốn được giải ngân trong năm 2018			Tình hình giải ngân kế hoạch đến hết 15/10/2018			Tỷ lệ giải ngân kế hoạch		Nguyên nhân	Ghi chú
					Số quyết định	TMDT	Trong đó: NSNN	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN	Tổng kế hoạch năm 2018	Trong đó		Tổng kế hoạch năm 2018	Trong đó		Tổng kế hoạch năm 2018	Kế hoạch giao năm 2018		
											Kế hoạch giao năm 2018	Kế hoạch năm 2017 kéo dài		Kế hoạch giao năm 2018	Kế hoạch năm 2017 kéo dài				
12	Hồ Thác Hôn, xã Đức Mạnh, huyện Đắk Mil (thuộc danh mục công trình thủy lợi phục vụ đồng bào DTTS, vùng sâu, vùng xa)	7363877		UBND huyện Đắk Mil	169/QĐ-SKH, 31/10/2012	7.280	7.280			447		447	0			0%			
13	Mở rộng vùng phủ sóng chương trình truyền hình địa phương tỉnh Đắk Nông	7054437		Đài phát thanh truyền hình tỉnh	1714/QĐ-UBND, 12/11/2009	31.003	31.003			303		303	0			0%			
14	Thủy lợi Buôn Lang xã Quảng Phú, huyện Krông Nô	7091192		UBND huyện Krông Nô	1747/QĐ-UBND, 23/8/2006	4.961	4.961			214		214	18		18	8%			
15	Trạm quản lý bảo vệ rừng liên xã (Trạm số 2) thuộc dự án đầu tư rừng phòng hộ Nam Cát Tiên	7281625		Ban quản lý rừng phòng hộ Nam Cát Tiên	151/QĐ-SKH, 09/10/2009; 194/QĐ-SKH, 13/11/2012	600	600			82		82	0			0%			
16	Trụ sở làm việc Tỉnh ủy và Kho lưu trữ tài liệu tỉnh Đắk Nông	7059254		Văn phòng Tỉnh ủy Đắk Nông	890/QĐ-UBND 16/9/2004	44.984	44.984			322		322	0			0%			
17	Hệ thống hạ tầng kỹ thuật Khu trung tâm hành chính thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông	7036777		Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	95/QĐ-CTUBND, 25/01/2005; 140/QĐ-CTUBND, 14/01/2010	55.923	55.923			0		0	0			0%			
18	Trụ sở làm việc UBND tỉnh Đắk Nông	7037509		Văn phòng UBND tỉnh	1399/QĐ-CTUBND, 24/10/2007; 532/QĐ-UBND 17/4/2010; 1977/QĐ-UBND, 26/12/2014; 72/QĐ-UBND	139.231	139.231			12		12	0			0%			
19	Hệ thống đèn chiếu sáng và đèn trang trí đường Bắc Nam giai đoạn 2, thị xã Gia Nghĩa	7430627		UBND thị xã Gia Nghĩa	232/QĐ-SKH, 31/10/2013	9.400	9.400			14		14	0			0%			
20	Đường trục chính huyện Tuy Đức	7224611		UBND huyện Tuy Đức	1286/QĐ-UBND, 27/10/2009; 906/QĐ-UBND	55.848	55.848			40		40	0			0%			

STT	Nguồn vốn - Danh mục công trình (dự án)	Mã dự án	Mã ngành kinh tế	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư được cấp thẩm quyền giao KH các năm			Lũy kế bố trí vốn đến hết năm 2017		Kế hoạch vốn được giải ngân trong năm 2018			Tình hình giải ngân kế hoạch đến hết 15/10/2018			Tỷ lệ giải ngân kế hoạch		Nguyên nhân	Ghi chú
					Số quyết định	TMDT	Trong đó: NSNN	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN	Tổng kế hoạch năm 2018	Trong đó		Tổng kế hoạch năm 2018	Trong đó		Tổng kế hoạch năm 2018	Kế hoạch giao năm 2018		
											Kế hoạch giao năm 2018	Kế hoạch năm 2017 kéo dài		Kế hoạch giao năm 2018	Kế hoạch năm 2017 kéo dài				
21	Trung tâm Hội nghị và nhà khách tỉnh Đắk Nông	7032586		Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	891/QĐ-UB, 16/9/2004; 1977/QĐ-UBND, 27/12/2007	103.526	103.526			0		0	0			0%			
26	Đường Đạo Nghĩa - Quảng Khê, tỉnh Đắk Nông	7281576		Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Đắk Nông	1147/QĐ-UBND, 30/7/2015; 2076/QĐ-UBND, 22/12/2015	867.000	867.000			15.022		15.022	15.022			15.022	100%		
27	Đường giao thông Quốc lộ 28 vào Khu du lịch sinh thái, văn hóa kết hợp công viên vui chơi giải trí Liêng Nung	7487525		UBND thị xã Gia Nghĩa	1639/QĐ-UBND, 30/10/2014	24.000	24.000			1.905		1.905	1.136			1.136	60%		
28	Trạm y tế 02 tầng xã Thuận Hà, huyện Đắk Song	7381539		UBND huyện Đắk Song	1173/QĐ-UBND, 31/10/2012 của UBND huyện Đắk Song	5.000	5.000			10		10	0			0%			
C	Nguồn vốn chương trình MTQG									141.415	117.548	23.867	22.160	14.464	7.696	16%	12%		
1	Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững									59.201	43.248	15.953	8.763	3.973	4.790	15%	9%		
2	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới									82.214	74.300	7.914	13.397	10.491	2.906	16%	14%		
D	Nguồn vốn ODA					1.196.408	1.067.198	0	0	426.168	426.168	0	131.141	131.141	0	31%	31%		
I	Các dự án chuyển tiếp, hoàn thành sau năm 2017																		
1	Dự án Chăm sóc sức khỏe nhân dân các tỉnh Tây nguyên giai đoạn 2, tỉnh Đắk Nông	7512882	131	Ban quản lý dự án Chăm sóc sức khỏe nhân dân tỉnh Đắk Nông, giai đoạn 2	696/QĐ-UBND, 18/5/2015	287.551	259.871			68.000	68.000		24.874	24.874		37%	37%	Chậm triển khai	
2	Dự án hỗ trợ xử lý chất thải y tế bệnh viện, tỉnh Đắk Nông			Sở Y tế tỉnh Đắk Nông	147/QĐ-BYT, 21/01/2011, Quyết định số 2355/QĐ-TTg ngày 06/12/2016	45.672	39.382			19.000	19.000		3.000	3.000		16%	16%	Chậm triển khai	

STT	Nguồn vốn - Danh mục công trình (dự án)	Mã dự án	Mã ngành kinh tế	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư được cấp thẩm quyền giao KH các năm			Lũy kế bố trí vốn đến hết năm 2017		Kế hoạch vốn được giải ngân trong năm 2018			Tình hình giải ngân kế hoạch đến hết 15/10/2018			Tỷ lệ giải ngân kế hoạch		Nguyên nhân	Ghi chú
					Số quyết định	TMDT	Trong đó: NSNN	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN	Tổng kế hoạch năm 2018	Trong đó		Tổng kế hoạch năm 2018	Trong đó		Tổng kế hoạch năm 2018	Kế hoạch giao năm 2018		
											Kế hoạch giao năm 2018	Kế hoạch năm 2017 kéo dài		Kế hoạch giao năm 2018	Kế hoạch năm 2017 kéo dài				
3	Tiểu dự án sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8) tỉnh Đắk Nông, do Ngân hàng thế giới tài trợ	7593791	283	Ban quản lý tiểu dự án Sửa chữa và nâng cao an toàn đập (Ban quản lý Tiểu dự án WB8)	2037/QĐ-UBND ngày 24/11/2016	229.630	184.867			79.768	79.768		967	967		1%	1%	Đang hoàn tất đầu thầu xây lắp	
4	Dự án giảm nghèo khu vực Tây Nguyên, tỉnh Đắk Nông	7344152	341	Ban quản lý dự án giảm nghèo khu vực tây nguyên tỉnh Đắk Nông - Sở Kế hoạch và Đầu tư	1702/QĐ-UBND, 29/10/2013	432.600	399.000			149.000	149.000		102.300	102.300		69%	69%		
5	Chương trình mở rộng quy mô nước sạch nông thôn dựa trên kết quả vay vốn Ngân hàng thế giới giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông			Sở NN&PTNT	2316/QĐ-UBND ngày 16/12/2016	200.955	184.078			43.475	43.475		0	0			0%	Mới được phân khai	
6	Thông báo sau									66.925	66.925		0			0%	0%		
E	Nguồn TPCP					878.537	785.234	0	0	565.612	500.000	65.612	39.424	2.503	36.921	7%	1%		
I	Khởi công mới năm 2018					785.000	700.000	0	0	500.000	500.000	0	2.503	2.503	0	1%	1%		
1	Hồ Gia Nghĩa, thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông	7654939	283	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Đắk Nông	1682/QĐ-UBND 19/10/2017	785.000	700.000			500.000	500.000		2.503	2.503		1%	1%	Đang hoàn thiện hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công	
II	Các dự án chuyển nhiệm vụ chi 2017 sang năm 2018					93.537	85.234	0	0	65.612	0	65.612	36.921	0	36.921	56%			
1	Các công trình thuộc Chương trình kiên cố hóa trường lớp học mầm non và tiểu học giai đoạn 2017 - 2020 huyện Krông Nô			UBND huyện Krông Nô	1070/QĐ-UBND ngày 29/6/2017;	18.000	16.600			9.445		9.445	6.585		6.585	70%			
2	Các dự án thuộc Chương trình kiên cố hóa trường lớp học mầm non và tiểu học giai đoạn 2017 - 2020 huyện Cư Jút			UBND huyện Cư Jút	1015/QĐ-UBND ngày 02/6/2017	5.500	5.400			950		950	950		950	100%			
3	Các Công trình thuộc Chương trình kiên cố hóa trường lớp học mầm non và tiểu học giai đoạn 2017 - 2020 huyện Đắk Song			UBND huyện Đắk Song	1329/QĐ-UBND 14/8/2017	16.300	16.300			14.551		14.551	4.999		4.999	34%			

STT	Nguồn vốn - Danh mục công trình (dự án)	Mã dự án	Mã ngành kinh tế	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư được cấp thẩm quyền giao KH các năm			Lũy kế bố trí vốn đến hết năm 2017		Kế hoạch vốn được giải ngân trong năm 2018			Tình hình giải ngân kế hoạch đến hết 15/10/2018			Tỷ lệ giải ngân kế hoạch		Nguyên nhân	Ghi chú
					Số quyết định	TMDT	Trong đó: NSNN	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN	Tổng kế hoạch năm 2018	Trong đó		Tổng kế hoạch năm 2018	Trong đó		Tổng kế hoạch năm 2018	Kế hoạch giao năm 2018		
											Kế hoạch giao năm 2018	Kế hoạch năm 2017 kéo dài		Kế hoạch giao năm 2018	Kế hoạch năm 2017 kéo dài				
4	Các Công trình thuộc Chương trình kiên cố hóa trường lớp học mầm non và tiểu học giai đoạn 2017 - 2020 huyện Đắk Glong			UBND huyện Đắk Glong	1318/QĐ-UBND 11/8/2017	24.600	19.100			16.722		16.722	11.616		11.616	69%			
5	Các dự án thuộc Chương trình kiên cố hóa trường lớp học mầm non và tiểu học giai đoạn 2017 - 2020 huyện Đắk R'Lấp			UBND huyện Đắk R'Lấp	193/QĐ-SXD 18/7/2017; 234/QĐ-SXD 23/8/2017	6.703	5.400			4.578		4.578	4.296		4.296	94%			
6	Các dự án thuộc Chương trình kiên cố hóa trường lớp học mầm non và tiểu học giai đoạn 2017 - 2020 huyện Tuy Đức			UBND huyện Tuy Đức	195/QĐ-SXD 19/7/2017; 273/QĐ-SXD 13/10/2017	11.817	11.817			10.400		10.400	5.259		5.259	51%			
7	Các dự án thuộc Chương trình kiên cố hóa trường lớp học mầm non và tiểu học giai đoạn 2017 - 2020 huyện Đắk Mil			UBND huyện Đắk Mi	196/QĐ-SXD; 19/7/2017; 257/QĐ-SXD 21/9/2017	10.617	10.617			8.967		8.967	3.216		3.216	36%			

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CÓ TỶ LỆ GIẢI NGÂN ĐẾN 15/10/2018 CÒN CHẬM

(Kèm theo Báo cáo số 535 /BC-SKH ngày 23 tháng 10 năm 2018 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Nông)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn - Danh mục công trình (dự án)	Mã dự án	Mã ngành kinh tế	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư được cấp thẩm quyền giao KH các năm			Lũy kế bố trí vốn đến hết năm 2017		Kế hoạch vốn được giải ngân trong năm 2018			Tình hình giải ngân kế hoạch đến hết 15/10/2018			Tỷ lệ giải ngân kế hoạch		Nguyên nhân	Ghi chú
					Số quyết định	TMĐT	Trong đó: NSNN	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN	Tổng kế hoạch năm 2018	Trong đó		Tổng kế hoạch năm 2018	Trong đó		Tổng kế hoạch năm 2018	Kế hoạch năm 2018		
											Kế hoạch giao năm 2018	Kế hoạch năm 2017 kéo dài		Kế hoạch giao năm 2018	Kế hoạch năm 2017 kéo dài				
TỔNG SỐ						10.725.589	7.722.491	1.155.612	1.019.100	1.846.086	1.707.662	138.424	437.718	375.071	62.647	24%	22%		
A	NGUỒN NSDP					3.309.602	1.553.224	637.867	500.855	494.543	476.495	18.048	176.563	175.387	1.176	36%	37%		
I	Các dự án hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2017					759.510	384.501	343.338	231.607	68.608	62.160	6.448	11.298	10.145	1.153	16%	16%		
	<i>Nguồn thu sử dụng đất</i>																		
2	Hoàn ứng bồi thường, GPMB và tái định cư khu vực quy hoạch thảo trường bản đản thật xã Đức Xuyên	7004686	468	Bộ chỉ huy quân sự tỉnh	1450/QĐ-UBND 17/7/2013	12.739	10.000	5.000	5.000	5.000	5.000		0	0		0%	0%		Hoàn ứng
4	Bồi thường tái san gắn liền với đất (cây cao su) của Công ty Cổ phần cao su Đắknoruco tại xã Đắk Bukso, huyện Tuy Đức	7661107	362	Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Đắk Nông	1704/QĐ-UBND 27/10/2017	4.632	4.632			4.632	4.632		832	832		18%	18%		Hoàn ứng
5	Hệ thống hạ tầng kỹ thuật khu đô thị mới Đắk Nĩa, đô thị Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông	7032763	292	Sở Xây dựng tỉnh Đắk Nông	1328/QĐ-UBND 22/02/2004; 1236/QĐ-UBND 07/9/2011; 20/QĐ-SXD	129.000	129.000	105.218	105.218	11.005	11.000	5	0	0		0%	0%		
6	Doanh trại cơ quan quân sự thị xã Gia Nghĩa	7004686	011	BCH quân sự thị xã Gia Nghĩa	1722/QĐ-UBND, 26/10/2010	39.649	39.649	27.655	27.655	12.900	6.500	6.400	1.153		1.153	9%	0%		
10	Trường cao đẳng cộng đồng tỉnh Đắk Nông (giai đoạn I)	7122739	093	Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Đắk Nông.	1439/QĐ-UBND 01/9/2017	185.909	75.909			20.000	20.000		0			0%	0%		1172/QĐ-TTg 28/7/2015; Hoàn ứng cho NSDP; (đền bù, GPMB) (Bồi thường , hỗ trợ tái định cư cho hộ (Ông): Trần Văn Khanh)
11	Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình: Trung tâm Thương mại Gia Nghĩa	7330251	362	Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Đắk Nông	683/QĐ-UBND 01/6/2012	2	2			2	2		0			0%	0%		(Bồi thường , hỗ trợ tái định cư cho hộ (Ông): Trần Văn Khanh)
12	Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình: Trung tâm Thương mại Gia Nghĩa	7330251	362	Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Đắk Nông	541/QĐ-UBND 11/4/2013 (UBND thị xã)	85	85			85	85		0			0%	0%		(Bồi thường , hỗ trợ tái định cư cho hộ (Bà): Lê Thị Thủy Tiên)

STT	Nguồn vốn - Danh mục công trình (dự án)	Mã dự án	Mã ngành kinh tế	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư được cấp thẩm quyền giao KH các năm			Lũy kế bố trí vốn đến hết năm 2017		Kế hoạch vốn được giải ngân trong năm 2018			Tình hình giải ngân kế hoạch đến hết 15/10/2018			Tỷ lệ giải ngân kế hoạch		Nguyên nhân	Ghi chú
					Số quyết định	TMDT	Trong đó: NSNN	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN	Tổng kế hoạch năm 2018	Trong đó		Tổng kế hoạch năm 2018	Trong đó		Tổng kế hoạch năm 2018	Kế hoạch giao năm 2018		
											Kế hoạch giao năm 2018	Kế hoạch năm 2017 kéo dài		Kế hoạch giao năm 2018	Kế hoạch năm 2017 kéo dài				
	<i>Nguồn xố số kết thiết</i>																		
14	Trung tâm y tế huyện Đắk Mil	7154260	131	Sở Y tế	146/QĐ-SKH, 18/9/2009	9.444	9.444	8.293	8.293	772	772		176	176		23%	23%		
	<i>Nguồn Cân đối NSDP</i>									0									
16	Trung tâm quan trắc Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Nông	7371035	251	Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Nông.	2209/QĐ-UBND, 28/12/2010; 1438/QĐ-UBND 22/9/2015	12.839	12.839	10.486	10.486	1.044	1.000	44	0	0	0	0%	0%	Đã cam kết giải ngân	
18	Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Tâm Thắng	7009755	292	Công ty phát triển hạ tầng KCN Tâm Thắng	1101/QĐ-UBND, 24/7/2015	216.412	64.412	57.676	57.676	6.736	6.736		3.368	3.368		50%	50%	Đã cam kết giải ngân	2124/QĐ-UBND 28/12/2015
28	Điểm trường tiểu học - mẫu giáo, điểm sinh hoạt cộng đồng, thuộc dự án quy hoạch di dời dân cư vùng ngập lụt thôn Nam Dao, xã Năm Ndir, huyện Krông Nô	7444951	071	Chi cục Phát triển nông thôn tỉnh Đắk Nông.	1861/QĐ-UBND 23/11/2010; 51/QĐ-SKH 09/09/2011; 184/QĐ-SKH 10/9/2014	2.973	2.973	1.774	1.774	903	903		562	562		62%	62%	Đã cam kết giải ngân	
35	Chợ Nông sản huyện Tuy Đức	7204011	321	UBND huyện Tuy Đức	1472/QĐ-UBND 15/12/2009	7.684	7.684			142	142		117	117		82%	82%	Đã cam kết giải ngân	Ngân sách Trung ương dùng hỗ trợ chuyển về NSDP;
43	Công trình thủy lợi Quảng Thuận, xã Đạo Nghĩa, huyện Đắk RLấp (thuộc cụm CTTL Đắk RLấp - Đắk Song)	7094752	283	UBND huyện Đắk RLấp	169a/QĐ-SKH 13/10/2006	5.056	5.056			8	8		0	0		0%	0%	Đã cam kết giải ngân	Ngân sách Trung ương dùng hỗ trợ chuyển về NSDP; 62/QĐ-STC
46	Đường giao thông liên xã Quảng Khê - Đắk Ha, huyện Đắk G'Long	7065326	292	UBND huyện Đắk G'long	1104/QĐ-UBND, 30/8/2007; 222/QĐ-UBND, 5/02/2010; 912/QĐ-UBND, 04/7/2011, 2199/QĐ-UBND	133.086	22.816	127.236	15.505	5.380	5.380		5.090	5.090		95%	95%	Đã cam kết giải ngân	Đổi ứng ODA; 849/QĐ-UBND 24/5/2017
II	Các dự án chuyển tiếp, hoàn thành sau năm 2017					1.059.501	467.098	294.529	269.248	131.033	124.344	6.689	30.102	30.102	0	23%	24%		
	<i>Nguồn thu sử dụng đất</i>																		
	<i>Nguồn xố số kết thiết</i>																		

STT	Nguồn vốn - Danh mục công trình (dự án)	Mã dự án	Mã ngành kinh tế	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư được cấp thẩm quyền giao KH các năm			Lũy kế bố trí vốn đến hết năm 2017		Kế hoạch vốn được giải ngân trong năm 2018			Tình hình giải ngân kế hoạch đến hết 15/10/2018			Tỷ lệ giải ngân kế hoạch		Nguyên nhân	Ghi chú
					Số quyết định	TMDT	Trong đó: NSNN	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN	Tổng kế hoạch năm 2018	Trong đó		Tổng kế hoạch năm 2018	Trong đó		Tổng kế hoạch năm 2018	Kế hoạch giao năm 2018		
											Kế hoạch giao năm 2018	Kế hoạch năm 2017 kéo dài		Kế hoạch giao năm 2018	Kế hoạch năm 2017 kéo dài				
6	Sửa chữa cục bộ một số hạng mục thuộc Bệnh viện đa khoa tỉnh Đắk Nông	7597978	132	Sở Y tế tỉnh Đắk Nông	166/QĐ-SXD 31/10/2016	8.573	8.573	5.300	5.300	2.400	2.400		0	0		0%	0%		
7	Trạm y tế xã Quảng Trục	7601292	132	Ban quản lý các dự án huyện Tuy Đức	1528/QĐ-UBND 28/10/2016; 386/QĐ-UBND 07/3/2017	5.427	5.000	2.500	2.500	3.324	2.100	1.224	0	0		0%	0%		
10	Dự án hỗ trợ xử lý chất thải trên địa bàn tỉnh Đắk Nông			Sở Y tế tỉnh Đắk Nông	147/QĐ-BYT, 21/01/2011, Quyết định số 2355/QĐ-TTg ngày 06/12/2016	45.672	6.290	1.000	1.000										Đổi ứng ODA
-	Xử lý chất thải rắn y tế và hệ thống xử lý nước thải Bệnh viện Đa khoa huyện Đắk R'lấp, thuộc Dự án Hỗ trợ xử lý chất thải Bệnh viện.	7582571	132							267	267	0	0			0%	0%		
-	Xử lý chất thải rắn y tế Bệnh viện đa khoa huyện Cư Jut thuộc dự án Hỗ trợ xử lý chất thải bệnh viện	7582564	132							248	248		0			0%	0%		
-	Xử lý chất thải rắn y tế Bệnh viện đa khoa huyện Đắk Song thuộc dự án Hỗ trợ xử lý chất thải bệnh viện	7582561	132							246	246		0			0%	0%		
-	Xử lý chất thải rắn y tế Bệnh viện đa khoa tỉnh Đắk Nông, thuộc dự án Hỗ trợ xử lý chất thải bệnh viện	7582556	132							395	395		0			0%	0%		
-	Xử lý chất thải rắn y tế Bệnh viện đa khoa huyện Tuy Đức, thuộc dự án Hỗ trợ xử lý chất thải bệnh viện	7582546	132							229	229		0			0%	0%		
-	Xử lý chất thải rắn y tế Bệnh viện đa khoa huyện Đắk Mil, thuộc dự án Hỗ trợ xử lý chất thải bệnh viện	7582575	132							248	248		0			0%	0%		
-	Xử lý chất thải rắn y tế Bệnh viện đa khoa huyện Đắk G'Long, thuộc dự án Hỗ trợ xử lý chất thải bệnh viện	7582577	132							243	243		0			0%	0%		

STT	Nguồn vốn - Danh mục công trình (dự án)	Mã dự án	Mã ngành kinh tế	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư được cấp thẩm quyền giao KH các năm			Lũy kế bố trí vốn đến hết năm 2017		Kế hoạch vốn được giải ngân trong năm 2018			Tình hình giải ngân kế hoạch đến hết 15/10/2018			Tỷ lệ giải ngân kế hoạch		Nguyên nhân	Ghi chú
					Số quyết định	TMDT	Trong đó: NSNN	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN	Tổng kế hoạch năm 2018	Trong đó		Tổng kế hoạch năm 2018	Trong đó		Tổng kế hoạch năm 2018	Kế hoạch giao năm 2018		
											Kế hoạch giao năm 2018	Kế hoạch năm 2017 kéo dài		Kế hoạch giao năm 2018	Kế hoạch năm 2017 kéo dài				
-	Xử lý chất thải rắn y tế Bệnh viện đa khoa huyện Krông Nô, thuộc dự án Hỗ trợ xử lý chất thải bệnh viện	7582580	132							224	224		0			0%	0%		
11	Trường THPT Nguyễn Đình Chiểu, xã Đắk Ru, huyện Đắk R'Lấp (giai đoạn 1)	7413694	074	UBND huyện Đắk R'Lấp	703/QĐ-UBND, 17/5/2013; 2416/QĐ-UBND 28/12/2016	35.132	35.132	32.497	32.497	2.000	2.000		1.000	1.000		50%	50%		
Nguồn Cân đối NSDP																			
12	Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện Đắk G'Long	7372595	085	UBND huyện Đắk G'long	39/QĐ-SXD 29/3/2016; 142/QĐ-SXD 09/9/2016	13.743	13.743	11.050	11.050	1.000	1.000		61	61		6%	6%		
13	Trường THPT chuyên tỉnh Đắk Nông (giai đoạn 2)	7387303	074	Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đắk Nông	1403/QĐ-UBND, 26/10/2012; 2082/QĐ-UBND, 5/12/2013; 1093/QĐ-UBND 01/7/2016	67.745	67.745	54.143	54.143	7.129	6.500	629	2.197	2.197		31%	34%		
14	Trường THCS Hoàng Văn Thụ, xã Quảng Sơn, huyện Đắk G'Long	7602295	073	Ban quản lý dự án huyện Đắk G'Long	1888/QĐ-UBND 31/10/2016; 860/QĐ-UBND 24/5/2017	23.600	18.000	8.200	8.200	6.792	6.792		3.613	3.613		53%	53%		
18	Trung tâm giáo dục thường xuyên huyện Tuy Đức	7606899	075	Ban quản lý các dự án huyện Tuy Đức	172/QĐ-SXD 31/10/2016; 132/QĐ-SXD 12/6/2017	11.473	11.473	4.000	4.000	6.499	5.700	799	2	2	0	0%	0%		
24	Ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan Đảng tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2016-2020	7593784	103	Văn phòng Tỉnh ủy Đắk Nông	1891/QĐ-UBND 31/10/2016	14.991	14.991	2.500	2.500	7.700	7.700		4.413	4.413		57%	57%		
25	Hạ tầng kỹ thuật thiết yếu Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	7564669	103	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Đắk Nông	2011/QĐ-UBND 15/7/2016	19.500	19.500	9.345	9.345	6.000	6.000		2.969	2.969		49%	49%		

STT	Nguồn vốn - Danh mục công trình (dự án)	Mã dự án	Mã ngành kinh tế	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư được cấp thẩm quyền giao KH các năm			Lũy kế bố trí vốn đến hết năm 2017		Kế hoạch vốn được giải ngân trong năm 2018			Tình hình giải ngân kế hoạch đến hết 15/10/2018			Tỷ lệ giải ngân kế hoạch		Nguyên nhân	Ghi chú
					Số quyết định	TMDT	Trong đó: NSNN	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN	Tổng kế hoạch năm 2018	Trong đó		Tổng kế hoạch năm 2018	Trong đó		Tổng kế hoạch năm 2018	Kế hoạch giao năm 2018		
											Kế hoạch giao năm 2018	Kế hoạch năm 2017 kéo dài		Kế hoạch giao năm 2018	Kế hoạch năm 2017 kéo dài				
26	Bổ sung công nghệ, thiết bị của trạm xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Tâm Thắng	7479595	262	Công ty phát triển hạ tầng KCN Tâm Thắng	1584/QĐ-UBND, 20/10/2014; 88/QĐ-SXD 7/7/2016; 24/QĐ-SXD 28/3/2017	20.640	20.640	16.295	16.295	2.000	2.000		0	0		0%	0%		
27	Tiểu hoa viên cây xanh tại Khu Trung tâm thương mại Gia Nghĩa.	7503768	321	UBND thị xã Gia Nghĩa	354/QĐ-UBND, 17/3/2015	9.089	9.089	6.012	6.012	2.000	2.000		127	127		6%	6%		
30	Đường hầm Sờ chi huy cơ bản huyện Tuy Đức	7004686	011	Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh	1893/QĐ-UBND 31/10/2016	27.476	27.476	7.300	7.300	9.037	9.000	37	3.734	3.734		41%	41%		
32	Trụ sở làm việc Sở Ngoại vụ tỉnh Đắk Nông	7369418	341	Sở Ngoại vụ tỉnh Đắk Nông	1895/QĐ-UBND 31/10/2016	19.319	19.319	5.000	5.000	10.000	10.000		0	0		0%	0%	Vướng mắc GPMB, đề xuất điều chuyển vốn	
33	Đường Tô Hiến Thành (kéo dài) nối khu Trung tâm thị xã Gia Nghĩa đến đường Quang Trung	7408339	292	Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình thị xã Gia Nghĩa	119/QĐ-SKH 19/6/2013; 327/QĐ-UBND 11/12/2017	20.017	14.576	4.000	4.000	13.500	9.500	4.000	5.484	5.484		41%	58%		
34	N'Trang Long và phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc 1912 - 1936 (giai đoạn I).	7329421	161	Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Đắk Nông.	1013/QĐ-SKH, 17/12/2014	67.758	12.799	21.275	5.152	7.647	7.647	0	164	164		2%	2%	Tượng đài Anh hùng N'Trang Long và các dân tộc Tây Nguyên	
35	Bổ sung cho Ngân sách huyện Krông Nô để thực hiện dự án Sửa chữa, nâng cấp đường vào khu vực Hang động núi lửa huyện Krông Nô			UBND huyện Krông Nô		3.740	1.900	1.200	1.200	700	700		0	0		0%	0%		Phân cấp có mục tiêu cho NS cấp huyện
36	Kinh phí hỗ trợ nhà ở cho người có công với cách mạng theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg				1365/QĐ-UBND 30/8/2013; 1187/QĐ-UBND 13/8/2014	47.627	19.847	22.000	12.842	7.005	7.005		3.645	3.645		52%	52%		Đổi ứng NSTW
37	Đường giao thông liên xã Đắk Som -Đắk R'Măng, huyện Đắk Glong	7278049	292	UBND huyện Đắk G'long	782/QĐ-UBND, 11/6/2010	107.670	107.670	80.012	80.012	10.000	10.000		401	401		4%	4%		CT MTQG hỗ trợ 30a/NQ-CP
39	Dự án chuyển đổi nông nghiệp bền vững tại Việt Nam (dự án VNSat) tỉnh Đắk Nông	7544044	281	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Đắk Nông	1974/QĐ-UBND 08/12/2015	260.679	33.335	900	900	5.001	5.000	1	2.292	2.292		46%	46%		Đổi ứng ODA

STT	Nguồn vốn - Danh mục công trình (dự án)	Mã dự án	Mã ngành kinh tế	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư được cấp thẩm quyền giao KH các năm			Lũy kế bố trí vốn đến hết năm 2017		Kế hoạch vốn được giải ngân trong năm 2018			Tình hình giải ngân kế hoạch đến hết 15/10/2018			Tỷ lệ giải ngân kế hoạch		Nguyên nhân	Ghi chú
					Số quyết định	TMDT	Trong đó: NSNN	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN	Tổng kế hoạch năm 2018	Trong đó		Tổng kế hoạch năm 2018	Trong đó		Tổng kế hoạch năm 2018	Kế hoạch giao năm 2018		
											Kế hoạch giao năm 2018	Kế hoạch năm 2017 kéo dài		Kế hoạch giao năm 2018	Kế hoạch năm 2017 kéo dài				
43	Sửa chữa và Nâng cao an toàn đập (WB8), tỉnh Đắk Nông	7593791	283	Ban quản lý tiểu dự án sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8)	4638/QĐ-BNN-HTQT 09/44/2015	229.630				19.200	19.200		0	0		0%	0%		Nguồn Chính phủ vay về cho vay lại
III	Các dự án khởi công mới 2018					612.158	200.100	0	0	51.341	51.341	0	10.484	10.484	0	20%	20%		
	Nguồn thu sử dụng đất																		
1	Đường bờ Đông hồ Trung tâm	7624264	292	Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình thị xã Gia Nghĩa	1723/QĐ-UBND 31/10/2017	155.558	40.000			4.000	4.000		401	401		10%	10%		Bố trí GPMB
2	Đường bờ Tây hồ trung tâm	7624255	292	Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình thị xã Gia Nghĩa	1720/QĐ-UBND 31/10/2017	202.000	12.000			3.918	3.918		1.161	1.161		30%	30%		Bố trí GPMB
3	Dự án kết nối các trục đường khu đô thị số 4 thị xã Gia nghĩa	7395740	292	Sở Xây dựng tỉnh Đắk Nông	991/QĐ-UBND ngày 12/6/2017	173.500	83.500			5.000	5.000		280	280		6%	6%		Bố trí GPMB
	Nguồn xổ số kết thiết									0									
4	Sửa chữa Bệnh viện Đa khoa tỉnh phục vụ Đề án Bệnh viện vệ tinh.	7661108	132	Sở Y tế tỉnh Đắk Nông	298/QĐ-UBND 30/10/2017	5.000	5.000			4.028	4.028		2.000	2.000		50%	50%		
	Nguồn Cân đối NSDP									0			0						
5	Đường giao thông kết nối khu vực xã Ea Pô, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông với huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk	7660820	292	Ban Quản lý các Dự án huyện Cư Jút	1751/QĐ-UBND 31/10/2017	20.000	16.000			9.000	9.000		0			0%	0%		
6	Đường giao thông liên xã Thuận Hà - Đắk N'Drung, huyện Đắk Song.	7660870	292	Ban Quản lý các dự án Đắk Song.	2569/QĐ-UBND 31/10/2017	8.500	7.500			4.000	4.000		1.210	1.210		30%	30%		
9	Đường dẫn và Cầu kết nối giữa Sân vận động tỉnh và Đường Bắc Nam giai đoạn 2, thị xã Gia Nghĩa	7660868	292	Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng công trình thị xã Gia Nghĩa	1750/QĐ-UBND 31/10/2017	20.000	13.500			7.395	7.395		311	311		4%	4%		
10	Trụ sở làm việc Đội quản lý thị trường huyện Đắk R'Lấp	7657588	341	Sở Công thương tỉnh Đắk Nông.	299/QĐ-SXD 30/10/2017	4.000	4.000			2.000	2.000		1.024	1.024		51%	51%		

STT	Nguồn vốn - Danh mục công trình (dự án)	Mã dự án	Mã ngành kinh tế	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư được cấp thẩm quyền giao KH các năm			Lũy kế bố trí vốn đến hết năm 2017		Kế hoạch vốn được giải ngân trong năm 2018			Tình hình giải ngân kế hoạch đến hết 15/10/2018			Tỷ lệ giải ngân kế hoạch		Nguyên nhân	Ghi chú
					Số quyết định	TMDT	Trong đó: NSNN	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN	Tổng kế hoạch năm 2018	Trong đó		Tổng kế hoạch năm 2018	Trong đó		Tổng kế hoạch năm 2018	Kế hoạch giao năm 2018		
											Kế hoạch giao năm 2018	Kế hoạch năm 2017 kéo dài		Kế hoạch giao năm 2018	Kế hoạch năm 2017 kéo dài				
12	Trụ sở làm việc HĐND - UBND xã Đắk Lao (giai đoạn 1)	7657998	341	Ban Quản lý dự án xây dựng Đắk Mil.	300/QĐ-UBND 30/10/2017	10.000	5.000			2.500	2.500		1.354	1.354		54%	54%		
14	Nhà làm việc Báo Đắk Nông điện tử	7660869	171	Báo Đắk Nông	294/QĐ-SXD 30/10/2017	4.000	4.000			2.000	2.000		1.216	1.216		61%	61%		
15	Sửa chữa Trung tâm Hội nghị và sân đường bộ	7661355	341	Sở Văn hoá – Thể thao và Du lịch tỉnh Đắk Nông.	298/QĐ-SXD 30/10/2017	2.600	2.600			1.500	1.500		517	517		34%	34%		
19	Sửa chữa, cải tạo các hạng mục công trình cơ quan Ban Chỉ huy quân sự huyện Tuy Đức	7004686	011	Ban Chỉ huy Quân sự huyện Tuy Đức	301/QĐ-SXD, ngày 30/10/2017	3.000	3.000			2.000	2.000		1.010	1.010		51%	51%		
23	Hỗ trợ có mục tiêu cho Ngân sách cấp huyện: Sửa chữa, nâng cấp trạm cấp nước xã Đức Xuyên (khu vực nhiễm Asen)			UBND huyện Krông Nô		2.000	2.000			2.000	2.000		0			0%	0%		Hỗ trợ có mục tiêu cho huyện
24	Hỗ trợ mục tiêu cho thị xã Gia Nghĩa thực hiện dự án Hoa viên cây xanh khu vực cầu vượt Bộ đội biên phòng tỉnh Đắk Nông (QL 14 đoạn qua TX.Thị xã)			UBND thị xã Gia Nghĩa		2.000	2.000			2.000	2.000		0			0%	0%		Hỗ trợ có mục tiêu cho huyện
IV	Các nguồn Phân cấp và Thông báo sau					0	0	0	0	238.650	238.650	0	124.656	124.656	0	52%	52%		
1	Phân cấp cho huyện, thị xã									193.650	193.650		120.000	120.000		62%	62%		
2	Chuẩn bị đầu tư									5.000	5.000		0			0%	0%	Đang xin ý kiến HĐND tỉnh để giao vốn và điều chỉnh kế hoạch vốn	
3	Thực hiện các chính sách hỗ trợ đã được HDND tỉnh thông qua									7.000	7.000	0	4.656	4.656	0	67%	67%		
-	Dự án trường mầm non tư thục Thỏ Ngọc				1219/QĐ-UBND 26/7/2017					1.701	1.701		1.701	1.701		100%	100%		
-	Dự án chợ Quảng tín				1135/QĐ-UBND 06/7/2017					1.866	1.866		1.866	1.866		100%	100%		
-	Dự án nhà máy gạch không nung công nghệ cao				1134/QĐ-UBND 06/7/2017					1.089	1.089		1.089	1.089		100%	100%		

STT	Nguồn vốn - Danh mục công trình (dự án)	Mã dự án	Mã ngành kinh tế	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư được cấp thẩm quyền giao KH các năm			Lũy kế bố trí vốn đến hết năm 2017		Kế hoạch vốn được giải ngân trong năm 2018			Tình hình giải ngân kế hoạch đến hết 15/10/2018			Tỷ lệ giải ngân kế hoạch		Nguyên nhân	Ghi chú
					Số quyết định	TMDT	Trong đó: NSNN	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN	Tổng kế hoạch năm 2018	Trong đó		Tổng kế hoạch năm 2018	Trong đó		Tổng kế hoạch năm 2018	Kế hoạch giao năm 2018		
											Kế hoạch giao năm 2018	Kế hoạch năm 2017 kéo dài		Kế hoạch giao năm 2018	Kế hoạch năm 2017 kéo dài				
-	Thông báo sau									2.344	2.344		0			0%	0%	Đang hoàn tất thủ tục để hỗ trợ cho các dự án	
4	Thông báo sau (dự kiến bố trí cho dự án Tỉnh lộ 1)									11.000	11.000		0			0%	0%	Đang xin ý kiến HĐND tỉnh để giao vốn và điều chỉnh kế hoạch vốn	
5	Thông báo sau (dự kiến bố trí cho dự án Bảo tàng)									10.000	10.000		0			0%	0%		
6	Thông báo sau nguồn bố trí cho Khoa học công nghệ									12.000	12.000		0			0%	0%		
V	Các dự án chuyển nhiệm vụ chỉ 2017 sang năm 2018					878.433	501.525	0	0	4.910	0	4.910	23	0	23	0%			
1	Đường Bắc Nam giai đoạn 2	7177456	223	Sở Giao thông Vận tải	1529/QĐ-UBND, 06/10/2009	193.320	193.320			2.940		2.940	0			0%			
2	Hạ tầng kỹ thuật Khu nhà ở cán bộ, chiến sĩ Công an tỉnh Đắk Nông (Sùng Đức)	7004692	471	Công an tỉnh	1244/QĐ-UBND, 13/9/2008	17.810	17.810			0		0	0			0%			
3	Cấp nước sinh hoạt thuộc Công trình: Khu nhà ở cán bộ chiến sĩ Công an tỉnh Đắk Nông (khu vực Tỉnh lộ 4)	7004692	471	Công an tỉnh	11/QĐ-SKH 28/01/2011	3.814	3.814			0		0	0			0%			
4	Hạ tầng kỹ thuật khu nhà ở cán bộ, chiến sĩ Công an tỉnh Đắk Nông (Khu Hồ Đại la, giai đoạn 1)	7004692	471	Công an tỉnh	176/QĐ-UBND, 31/01/2013	31.062	31.062			306		306	0			0%			
5	Hỗ trợ tiền thuê nhà cho các hộ dân bị thu hồi đất thuộc dự án Trụ sở làm việc Công an tỉnh, Phòng CSPCCC, Phòng CSGT Công an tỉnh	7004692	471		1241/QĐ-UBND 14/8/2015; 1238/QĐ-UBND 20/7/2016	2.011	2.011			1		1	0			0%			
6	Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Chi cục văn thư - Lưu trữ tỉnh (lần 2)	7278057	463	Sở Nội vụ	768/QĐ-UBND 27/6/2014	203	203			3		3	0			0%			
7	Trường THPT chuyên tỉnh Đắk Nông (giai đoạn 1)	7279895	494	Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đắk Nông	1254/QĐ-UBND, 09/02/2009 và 470/QĐ-UBND, 08/4/2013	33.940	33.940			109		109	0			0%			

STT	Nguồn vốn - Danh mục công trình (dự án)	Mã dự án	Mã ngành kinh tế	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư được cấp thẩm quyền giao KH các năm			Lũy kế bố trí vốn đến hết năm 2017		Kế hoạch vốn được giải ngân trong năm 2018			Tình hình giải ngân kế hoạch đến hết 15/10/2018			Tỷ lệ giải ngân kế hoạch		Nguyên nhân	Ghi chú
					Số quyết định	TMDT	Trong đó: NSNN	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN	Tổng kế hoạch năm 2018	Trong đó		Tổng kế hoạch năm 2018	Trong đó		Tổng kế hoạch năm 2018	Kế hoạch giao năm 2018		
											Kế hoạch giao năm 2018	Kế hoạch năm 2017 kéo dài		Kế hoạch giao năm 2018	Kế hoạch năm 2017 kéo dài				
8	Trường THCS Nguyễn Tất thành, thị trấn Gia Nghĩa	7048523	493	UBND thị xã Gia Nghĩa	1141/QĐ-UBND 10/11/2004; 1462/QĐ-UBND 22/11/2006	8.267	8.267			1		1	0			0%			
9	Nhà trẻ xã Ea Pô thuộc dự án Quy hoạch ổn định dân di cư tự do khu vực Cồn Dầu xã Ea Pô, huyện Cư Jut (HM: nhà sinh hoạt, nhà phục vụ, trang thiết bị, sân,...)	7317148	491	Ban quản lý các dự án huyện Cư Jut	901/QĐ-UBND, 21/5/2012	2.754	578			16		16	0			0%			
10	Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học tỉnh Đắk Nông	7445946	495	Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đắk Nông	1359/QĐ-UBND, 12/9/2014	14.131	14.131			1.123		1.123	0			0%			
11	Dự án nâng cấp, mở rộng hệ thống công nghệ thông tin các cơ quan Đảng tỉnh Đắk Nông	7369389	373	Văn phòng Tỉnh ủy Đắk Nông	1350/QĐ-UBND 19/10/2012	6.246	6.246			0		0	0			0%			
12	Xây dựng hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến trong các cơ quan Đảng tỉnh Đắk Nông	7534039	461	Văn phòng Tỉnh ủy Đắk Nông	1145/QĐ-UBND, 29/7/2015; 1342/QĐ-UBND, 04/9/2015	8.631	8.631			1		1	0			0%			
13	Nâng cấp Công nghệ thông tin điện tử tỉnh Đắk Nông	7560225	373	Văn phòng UBND tỉnh	21/QĐ-STTTT 29/3/2016	2.999	2.999			1		1	0			0%			
14	Phần mềm văn phòng điện tử trong các cơ quan nhà nước tỉnh Đắk Nông	7560453	373	Văn phòng UBND tỉnh	21a/QĐ-STTTT 29/3/2016	2.999	2.999			0		0	0			0%			
15	Trạm Y tế xã Đắk Wil, huyện Cư Jut, tỉnh Đắk Nông	7579987	521	Ban quản lý các dự án huyện Cư Jút	564B/QĐ-UBND 30/3/2016	5.000	5.000			9		9	0			0%			
16	Đường giao thông lên thao trường tổng hợp của lực lượng vũ trang tỉnh tại xã Đức Xuyên	7430574	223	UBND huyện Krông Nô	230/QĐ-SKH, 31/10/2013	11.536	11.536			1		1	0			0%			
17	Sửa chữa, nâng cấp hồ Đắk Lấp, xã Đắk Găn, huyện Đắk Mil	7481226	016	Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Đắk Nông	01/QĐ-SKH, 06/01/2014; 235/QĐ-SKH, 30/10/2014	7.173	7.173			0		0	0			0%			

STT	Nguồn vốn - Danh mục công trình (dự án)	Mã dự án	Mã ngành kinh tế	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư được cấp thẩm quyền giao KH các năm			Lũy kế bố trí vốn đến hết năm 2017		Kế hoạch vốn được giải ngân trong năm 2018			Tình hình giải ngân kế hoạch đến hết 15/10/2018			Tỷ lệ giải ngân kế hoạch		Nguyên nhân	Ghi chú
					Số quyết định	TMDT	Trong đó: NSNN	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN	Tổng kế hoạch năm 2018	Trong đó		Tổng kế hoạch năm 2018	Trong đó		Tổng kế hoạch năm 2018	Kế hoạch giao năm 2018		
											Kế hoạch giao năm 2018	Kế hoạch năm 2017 kéo dài		Kế hoạch giao năm 2018	Kế hoạch năm 2017 kéo dài				
18	Đường cứu nạn, cứu hộ xã Buôn Choah, huyện Krông Nô	7309792	223	UBND huyện Krông Nô	764/Q;10/6/2010; 656 17/5/2011	73.505	73.505			0		0	0			0%			
19	Nhà khách tỉnh Đắk Nông	7284927	461	Văn phòng Tỉnh ủy Đắk Nông	1832/QĐ-UBND, 11/11/2013	75.571	28.808			280		280	0			0%			
20	Đường vành đai 2, đoạn từ Trạm Y tế phường Nghĩa Phú đến cuối đường Lê Hồng Phong (Giai đoạn 1)	7409568	223	UBND thị xã Gia Nghĩa	988/QĐ-UBND, 28/6/2013	34.351	13.000			0		0	0			0%			
21	Điều chỉnh, mở rộng đường Lê Lai, thị xã Gia Nghĩa	7396085	223	UBND thị xã Gia Nghĩa	461/QĐ-UBND, 03/4/2013	5.691	5.691			1		1	0			0%			
22	Đường đến khu sản xuất suối Đắk Dri	7385135	223	Ban quản lý dự án huyện Krông Nô	2337/QĐ-UBND, 31/10/2012; 1962/QĐ-UBND 09/7/2014	2.779	2.221			0		0	0			0%			
23	Trung tâm bảo trợ xã hội tỉnh Đắk Nông	7155335	438	Sở Lao động Thương binh và xã hội	2129/QĐ-UBND 28/12/2012	2.609	2.609			0		0	0			0%			
24	Trụ sở làm việc HĐND - UBND xã Đắk Ngo; Hạng mục: Trụ sở làm việc	7593189	463	UBND huyện Tuy Đức	1978/QĐ-UBND, 15/12/2010	1.710	1.710			0		0	0			0%			
25	Thápăng ten tự đứng huyệnĐăk Glong, tỉnh Đắk Nông	7366784	253	Đài phát thanh truyền hình tỉnh	97/QĐ-SKH; 231/QĐ-SKH, 31/10/2013	4.053	4.053			13		13	0			0%			
26	Nâng cấp công trình thủy lợi Sapa Bu Đắk, xã Thuận An, huyện Đắk Mil	7118420	016	Công ty TNHH MTV Cà phê Thuận An.	181/QĐ-UBND, 30/10/2008; 162/QĐ-UBND, 28/10/2009 58/QĐ-SKH	7.729	59			59		59	23		23	39%			
27	Cấp nước sinh hoạt tập trung xã Nam Đà, huyện Krông Nô	7042301	134	UBND huyện Krông Nô	03/6/2008; 615/QĐ-UBND 14/11/2012	5.863	5.863			0		0	0			0%			
28	Cấp nước sinh hoạt tập trung xã Đắk R'Ti, huyện Tuy Đức	7070911	134	UBND huyện Tuy Đức	03/QĐ-SKH 06/01/2009	1.024	1.024			0		0	0			0%			

STT	Nguồn vốn - Danh mục công trình (dự án)	Mã dự án	Mã ngành kinh tế	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư được cấp thẩm quyền giao KH các năm			Lũy kế bố trí vốn đến hết năm 2017		Kế hoạch vốn được giải ngân trong năm 2018			Tình hình giải ngân kế hoạch đến hết 15/10/2018			Tỷ lệ giải ngân kế hoạch		Nguyên nhân	Ghi chú
					Số quyết định	TMBT	Trong đó: NSNN	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN	Tổng kế hoạch năm 2018	Trong đó		Tổng kế hoạch năm 2018	Trong đó		Tổng kế hoạch năm 2018	Kế hoạch giao năm 2018		
											Kế hoạch giao năm 2018	Kế hoạch năm 2017 kéo dài		Kế hoạch giao năm 2018	Kế hoạch năm 2017 kéo dài				
29	Tiểu dự án tỉnh Đắk Nông, thuộc dự án Phát triển đô thị vừa và nhỏ khu vực Miền Trung	7073572	134	Công ty cổ phần cấp nước và Phát triển đô thị tỉnh	1571/QĐ-UBND 20/10/2011	306.305	7.916			0		0	0			0%			
30	Phương án bổ sung tiền thuê nhà dự án Đường nối 2 trung tâm hành chính tỉnh thuộc khu 131,5 ha Sùng Đức	7109602	223	Trung tâm đo đạc và tư vấn TNMT	489/QĐ-UBND 16/9/2009	10	10			0		0	0			0%			
31	Bổ sung tiền thuê nhà cho các hộ dân bị thu hồi đất thuộc dự án Khu số 3 Sùng Đức	7109594	463	Trung tâm đo đạc và tư vấn TNMT	1506/QĐ-UBND 30/9/2009	5	5			0		0	0			0%			
32	Cải tạo hội trường Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Đắk Nông	7004686	468	Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Đắk Nông	172/QĐ-SXD 31/10/2016; 213/QĐ-SXD 08/8/2017	2.981	2.981			37		37	0			0%			
33	Đầu tư xây dựng tường rào, cổng, nhà bảo vệ và đường vào Trụ sở Tỉnh đoàn Đắk Nông và Trung tâm thanh thiếu nhi tỉnh	7601854	462	Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh Đắk Nông	169/QĐ-SXD 31/10/2016; 188/QĐ-SXD 13/12/2016	2.351	2.351			7		7	0			0%			
B	Ngân sách trung ương hỗ trợ các Chương trình mục tiêu					5.341.042	4.316.835	517.745	518.245	218.348	187.451	30.897	68.430	51.576	16.854	31%	28%		
I	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trước năm 2017					334.720	334.720	287.503	287.503	18.325	14.843	3.482	5.152	4.621	531	28%	31%		
	Chương trình mục tiêu Phát triển kinh tế - xã hội các vùng					334.720	334.720	287.503	287.503	18.325	14.843	3.482	5.152	4.621	531	28%	31%		
1	Nâng cấp công trình thủy lợi Đắk Ru 1, xã Đắk Ru, huyện Đắk R'Lấp	7330649	283	UBND huyện Đắk R'lấp	227/QĐ-SKH, 30/10/2013	15.205	15.205	14.886	14.886	249	143	106	0	0		0%	0%	hết nhu cầu thanh toán, xin điều chuyển	155/QĐ-STC 17/11/2016
7	Đường Đắk Mâm đi Đồn 7(759) - Tỉnh lộ 3 đoạn từ Km0+000 đến Km0+900 và đoạn nối với trục N7 thị trấn Đắk Mâm	7385219	292	UBND huyện Krông Nô	1432/QĐ-UBND, 31/10/2012; 1838/QĐ-UBND 12/8/2016	78.035	78.035	67.500	67.500	5.071	3.000	2.071	437	228	209	9%	8%		
8	Đường vào xã Đắk Hòa, huyện Đắk Song	7381271	292	UBND huyện Đắk Song	357/QĐ-UB 05/6/2009; 1438/QĐ-UBND 31/10/2012	56.653	56.653	46.417	46.417	4.500	4.500		2.286	2.286		51%	51%		

STT	Nguồn vốn - Danh mục công trình (dự án)	Mã dự án	Mã ngành kinh tế	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư được cấp thẩm quyền giao KH các năm			Lũy kế bố trí vốn đến hết năm 2017		Kế hoạch vốn được giải ngân trong năm 2018			Tình hình giải ngân kế hoạch đến hết 15/10/2018			Tỷ lệ giải ngân kế hoạch		Nguyên nhân	Ghi chú
					Số quyết định	TMDT	Trong đó: NSNN	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN	Tổng kế hoạch năm 2018	Trong đó		Tổng kế hoạch năm 2018	Trong đó		Tổng kế hoạch năm 2018	Kế hoạch giao năm 2018		
											Kế hoạch giao năm 2018	Kế hoạch năm 2017 kéo dài		Kế hoạch giao năm 2018	Kế hoạch năm 2017 kéo dài				
13	Đường giao thông liên xã Trường Xuân - Năm N'Jang, huyện Đắk Song (giai đoạn 1: Từ Quốc lộ 14 đi thôn 8 xã Trường Xuân)	7359622	292	UBND huyện Đắk Song	1465/QĐ-UBND 06/10/2011	29.155	29.155	25.000	25.000	1.000	1.000		0	0		0%	0%		
14	Đường giao thông Đức An - Nam Bình, huyện Đắk Song	7429701	292	UBND huyện Đắk Song	1718/QĐ-UBND, 30/10/2013	40.000	40.000	33.000	33.000	2.500	2.500		1.107	1.107		44%	44%		
15	Đường vành đai phía Tây Nam, huyện Đắk Song	7407659	292	UBND huyện Đắk Song	1720/QĐ-UBND, 30/10/2013	37.000	37.000	30.900	30.900	2.982	1.700	1.282	300	0	300	10%	0%		
16	Đường giao thông từ trung tâm thị trấn Kiên Đức đi liên xã Kiên Thành - Nghĩa Thắng, huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông	7380136	292	UBND huyện Đắk R'Lấp	1433/QĐ-UBND, 31/10/2012; 805/QĐ-CTUBND 05/4/2013; 3237/QĐ-CTUBND 18/11/2013	78.672	78.672	69.800	69.800	2.022	2.000	22	1.022	1.000	22	51%	50%		
II	Dự án chuyển tiếp sang năm 2018					1.798.172	936.813	228.742	228.742	84.025	75.968	8.057	32.548	32.401	147	39%	43%		
	Chương trình mục tiêu Phát triển kinh tế - xã hội các vùng					137.493	137.493	94.769	94.769	19.000	11.000	8.000	1.974	1.827	147	10%	17%		
1	Trụ Sở làm việc Đoàn ca múa nhạc dân tộc tỉnh Đắk Nông	7246173	161	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	1029/QĐ-UBND, 14/7/2010;	27.493	27.493	16.559	16.559	13.000	5.000	8.000	147		147	1%	0%	Vướng mắc hồ sơ dự án, đề xuất điều chuyển vốn	
2	Trường cao đẳng cộng đồng tỉnh Đắk Nông (giai đoạn I).	7122739	093	Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Đắk Nông	1721/QĐ-UBND 30/10/2013; 463/QĐ-UBND 28/3/2016; 1439/QĐ-UBND	110.000	110.000	78.210	78.210	6.000	6.000		1.827	1.827		30%	30%	Chờ ký hiệp định	
	Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững					60.464	41.998	18.157	18.157	9.057	9.000	57	1.008	1.008	0	11%	11%		
5	Nâng cao năng lực phòng cháy, chữa cháy rừng cho lực lượng Kiểm lâm tỉnh Đắk Nông	7053323	282	Chi cục kiểm lâm tỉnh Đắk Nông	216/QĐ-UBND, 03/02/2016	60.464	41.998	18.157	18.157	5.057	5.000	57	1.008	1.008		20%	20%		(Giai đoạn 2015-2020)

STT	Nguồn vốn - Danh mục công trình (dự án)	Mã dự án	Mã ngành kinh tế	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư được cấp thẩm quyền giao KH các năm			Lũy kế bố trí vốn đến hết năm 2017		Kế hoạch vốn được giải ngân trong năm 2018			Tình hình giải ngân kế hoạch đến hết 15/10/2018			Tỷ lệ giải ngân kế hoạch		Nguyên nhân	Ghi chú
					Số quyết định	TMDT	Trong đó: NSNN	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN	Tổng kế hoạch năm 2018	Trong đó		Tổng kế hoạch năm 2018	Trong đó		Tổng kế hoạch năm 2018	Kế hoạch giao năm 2018		
											Kế hoạch giao năm 2018	Kế hoạch năm 2017 kéo dài		Kế hoạch giao năm 2018	Kế hoạch năm 2017 kéo dài				
6	Chương trình phát triển và bảo vệ rừng									4.000	4.000		0			0%	0%		
	Chương trình mục tiêu Tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp và phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư					90.000	90.000	50.000	50.000	5.000	5.000	0	2.188	2.188	0	44%	44%		
8	Công trình thủy lợi Suối Đá, xã Quảng Hòa, huyện Đắk Glong.	7609760	283	Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Đắk Nông.	988/QĐ-UBND 12/6/2017	90.000	90.000	50.000	50.000	5.000	5.000		2.188	2.188		44%	44%		
	Chương trình cấp điện nông thôn miền núi và hải đảo					711.000	604.350	40.000	40.000	10.000	10.000	0	5.891	5.891	0	59%	59%		
10	Dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện Quốc gia tỉnh Đắk Nông, giai đoạn 2014-2020	7487081	302	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Đắk Nông	1643/QĐ-UBND, 31/10/2014	711.000	604.350	40.000	40.000	10.000	10.000		5.891	5.891		59%	59%		
	Chương trình mục tiêu phát triển văn hóa					57.847	17.136	8.736	8.736	3.000	3.000	0	633	633	0	21%	21%		
11	Bảo tồn, phát huy giá trị lịch sử các địa điểm về phong trào đấu tranh chống thực dân Pháp của đồng bào M'Nông do N' Trang Lơng lãnh đạo	7287706	161	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	243/QĐ-UBND, 17/02/2014	57.847	17.136	8.736	8.736	3.000	3.000		633	633		21%	21%		
	Chương trình mục tiêu hỗ trợ đối ứng ODA					741.368	45.836	17.080	17.080	10.000	10.000	0	3.798	3.798	0	38%	38%		
14	Dự án Giảm nghèo khu vực Tây nguyên - tỉnh Đắk Nông	7344152	341	Ban Quản lý dự án Giảm nghèo khu vực Tây Nguyên, tỉnh Đắk Nông.	1702/QĐ-UBND, 29/10/2013	453.817	26.460	8.580	8.580	5.000	5.000		2.088	2.088		42%	42%		

STT	Nguồn vốn - Danh mục công trình (dự án)	Mã dự án	Mã ngành kinh tế	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư được cấp thẩm quyền giao KH các năm			Lũy kế bố trí vốn đến hết năm 2017		Kế hoạch vốn được giải ngân trong năm 2018			Tình hình giải ngân kế hoạch đến hết 15/10/2018			Tỷ lệ giải ngân kế hoạch		Nguyên nhân	Ghi chú
					Số quyết định	TMDT	Trong đó: NSNN	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN	Tổng kế hoạch năm 2018	Trong đó		Tổng kế hoạch năm 2018	Trong đó		Tổng kế hoạch năm 2018	Kế hoạch giao năm 2018		
											Kế hoạch giao năm 2018	Kế hoạch năm 2017 kéo dài		Kế hoạch giao năm 2018	Kế hoạch năm 2017 kéo dài				
15	Chăm sóc sức khỏe nhân dân các tỉnh Tây Nguyên giai đoạn 2 tỉnh Đắk Nông.	7512882	131	Ban quản lý Dự án "Chăm sóc sức khỏe nhân dân tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2.	696/QĐ-UBND 18/5/2015	287.551	19.376	8.500	8.500	5.000	5.000		1.710	1.710		34%	34%		
III	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2018-2020					562.468	515.468	450	450	75.600	75.600	0	9.651	9.651	0	13%	13%		165.140
	Chương trình mục tiêu Phát triển kinh tế - xã hội các vùng					562.468	515.468	450	450	75.600	75.600	0	9.651	9.651	0	13%	13%		
2	Ổn định dân cư biên giới xã Quảng Trục, huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông (giai đoạn 2).	7663298	429	Ban Quản lý các dự án huyện Tuy Đức	1716/QĐ-UBND 31/10/2017	300.000	300.000	0	0	30.000	30.000		9.331	9.331		31%	31%	Đang chuyển chủ đầu tư	
3	Dự án Cấp bách sắp xếp, ổn định dân di cư tự do, ổn định an ninh chính trị khu vực biên giới xã Quảng Trục và xã Đắk Ngo, huyện Tuy Đức	7665019	429	Sở Nông nghiệp và PTNT	1717/QĐ-UBND 31/10/2017; 689/QĐ-UBND 00/05/2018	182.000	135.000	0	0	30.000	30.000		120	120		0%	0%	Đang điều chỉnh thiết kế	
4	Đường giao thông về xã Buôn Choah, huyện Krông Nô	7556410	292	Ban Quản lý dự án huyện Krông Nô	1718/QĐ-UBND 31/10/2017	80.468	80.468	450	450	15.600	15.600		200	200		1%	1%	Chậm hoàn tất hồ sơ để triển khai thi công	
IV	Chuẩn bị đầu tư và giải phóng mặt bằng					1.160.770	1.044.922	1.050	1.550	21.040	21.040	0	4.903	4.903	0	23%	23%		
	Chương trình mục tiêu Phát triển kinh tế - xã hội các vùng					1.070.770	960.322	1.050	1.550	18.000	18.000	0	4.588	4.588	0	25%	25%		
1	Đường giao thông liên xã Trúc Sơn - Cư K'Nia - Đắk Đrông - Nam Dong	7558664	292	Ban quản lý các dự án huyện Cư Jút	1719/QĐ-UBND 31/10/2017	90.000	90.000	500	500	1.000	1.000		0	0		0%	0%	Đề xuất điều chuyển	
2	Đường bờ Tây Hồ trung tâm.	7624255	292	Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng công trình thi xã Gia Nghĩa	1720/QĐ-UBND 31/10/2017	120.000	120.000	0	0	2.000	2.000		604	604		30%	30%		
3	Nâng cấp các trục đường giao thông chính thị trấn Đắk Mil	7654941	292	Ban Quản lý dự án xây dựng Đắk Mil	1721/QĐ-UBND 31/10/2017	83.000	83.000	0	0	1.500	1.500		774	774		52%	52%		

STT	Nguồn vốn - Danh mục công trình (dự án)	Mã dự án	Mã ngành kinh tế	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư được cấp thẩm quyền giao KH các năm			Lũy kế bố trí vốn đến hết năm 2017		Kế hoạch vốn được giải ngân trong năm 2018			Tình hình giải ngân kế hoạch đến hết 15/10/2018			Tỷ lệ giải ngân kế hoạch		Nguyên nhân	Ghi chú
					Số quyết định	TMDT	Trong đó: NSNN	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN	Tổng kế hoạch năm 2018	Trong đó		Tổng kế hoạch năm 2018	Trong đó		Tổng kế hoạch năm 2018	Kế hoạch giao năm 2018		
											Kế hoạch giao năm 2018	Kế hoạch năm 2017 kéo dài		Kế hoạch giao năm 2018	Kế hoạch năm 2017 kéo dài				
4	Đầu tư mua sắm thiết bị thuộc Đài phát thanh và truyền hình tỉnh Đắk Nông	7665500	201	Đài Phát thanh Truyền hình tỉnh	82/HĐND-VP 28/3/2017; 1078/QĐ-UBND 30/6/2017	119.890	45.000	0	0	1.000	1.000		173	173		17%	17%	Chậm triển khai	
5	Đường giao thông từ trung tâm huyện Đắk Song đi xã Thuận Hà và xã Đắk N'drung	7656296	292	Ban Quản lý các dự án Đắk Song.	1722/QĐ-UBND 31/10/2017	82.000	82.000	0	0	2.000	2.000		721	721		36%	36%	Chậm triển khai	
6	Đường Bờ Đông Hồ trung tâm	7624264	292	Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng công trình thị xã Gia Nghĩa	1723/QĐ-UBND 31/10/2017	155.558	120.000	0	0	2.500	2.500		1.093	1.093		44%	44%	Chậm triển khai	
9	Đường vành đai phía Đông huyện Đắk Song	7542809	292	Ban Quản lý các dự án Đắk Song	1749/QĐ-UBND 31/10/2017	85.000	85.000	550	550	1.000	1.000		100	100		10%	10%	Chậm triển khai	
10	Trụ sở HĐND-UBND huyện Đắk R'lấp	7654412	341	Ban quản lý dự án xây dựng huyện Đắk R'lấp	86/HĐND-VP 28/3/2017	70.164	70.164			1.500	1.500		365	365		24%	24%	Chậm triển khai	
11	Kết nối các trục đường Khu đô thị số 4, thị xã Gia Nghĩa	7395740	292	Sở Xây dựng tỉnh Đắk Nông.	81/HĐND-VP 28/3/2017; 991/QĐ-UBND ngày 12/6/2017	90.000	90.000			2.000	2.000		212	212		11%	11%	Chậm triển khai	
12	Đường vào xã Ea Pô, huyện Cư Jút	7655327	292	Ban quản lý các dự án huyện Cư Jút	77/HĐND-VP 28/3/2017	90.000	90.000			2.000	2.000		457	457		23%	23%	Chậm triển khai	
14	Nâng cấp đường tỉnh lộ 4 đoạn nội thị trấn Đắk Mâm	7556407	292	Ban Quản lý Dự án huyện Krông Nô.	83/HĐND-VP 28/3/2017	85.158	85.158		500	1.500	1.500		89	89		6%	6%	Chậm triển khai	
	Chương trình mục tiêu Phát triển hệ thống trợ giúp xã hội					45.000	45.000	0	0	1.000	1.000	0	0	0	0	0%	0%		
15	Trung tâm bảo trợ xã hội tỉnh Đắk Nông	7155335	398	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Đắk Nông.	85/HĐND-VP 28/3/2017	45.000	45.000	0	0	1.000	1.000		0			0%	0%	Chậm triển khai	
	Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số					45.000	39.600	0	0	2.040	2.040	0	315	315	0	15%	15%		
16	Trung tâm Chăm sóc sức khỏe sinh sản tỉnh Đắk Nông.	7661109	139	Sở Y tế tỉnh Đắk Nông.	1715/QĐ-UBND 30/10/2017	45.000	39.600	0	0	2.040	2.040		315	315		15%	15%	Chậm triển khai	
V	Các dự án chuyển nhiệm vụ chi 2017 sang năm 2018					1.484.912	1.484.912	0	0	19.358	0	19.358	16.176	0	16.176	84%			

STT	Nguồn vốn - Danh mục công trình (dự án)	Mã dự án	Mã ngành kinh tế	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư được cấp thẩm quyền giao KH các năm			Lũy kế bố trí vốn đến hết năm 2017		Kế hoạch vốn được giải ngân trong năm 2018			Tình hình giải ngân kế hoạch đến hết 15/10/2018			Tỷ lệ giải ngân kế hoạch		Nguyên nhân	Ghi chú
					Số quyết định	TMDT	Trong đó: NSNN	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN	Tổng kế hoạch năm 2018	Trong đó		Tổng kế hoạch năm 2018	Trong đó		Tổng kế hoạch năm 2018	Kế hoạch giao năm 2018		
											Kế hoạch giao năm 2018	Kế hoạch năm 2017 kéo dài		Kế hoạch giao năm 2018	Kế hoạch năm 2017 kéo dài				
1	Tháp ăng ten tự đứng huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông	7366783		Đài Phát thanh Truyền hình tỉnh	168/QĐ-SKH, 29/8/2013; 247/QĐ-SKH, 12/11/2013	3.695	3.695			0		0	0			0%			
2	Hạ tầng khu dân cư BDBP và khu tái định cư nhân dân (Khu A)	7004686		Bộ đội chỉ huy bộ đội Biên phòng tỉnh Đắk Nông	28/QĐ-SKH, 05/5/2011	18.864	18.864			0		0	0			0%			
3	Đường giao thông từ quốc lộ 14 đi trung tâm cụm xã Đắk R'ti, huyện Đắk R'lấp	7095945		UBND huyện Đắk R'Lấp	294/QĐ-UBND 08/3/2006; 665/QĐ-UBND 19/5/2010	27.921	27.921			357		357	0			0%			
4	Trụ sở làm việc Quỹ đầu tư phát triển tỉnh Đắk Nông	7384918		Quỹ đầu tư phát triển Đắk Nông	1436/QĐ-UBND, 31/10/2012	16.072	16.072			93		93	0			0%			
5	Kè chống sạt lở Buôn Knha xã Đắk Wil, huyện Cư Jut	7263765		UBND huyện Cư Jut	103/QĐ-SKH, 06/7/2010; 41/QĐ-SKH, 10/8/2011	13.540	13.540			12		12	0			0%			
6	Đường vào Sở chỉ huy thời chiến (công trình ST01)	7004686		Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Đắk Nông	926/QĐ-UBND, 21/6/2013	15.000	15.000			0		0	0			0%			
7	Trụ sở làm việc Huyện ủy Đắk G'Long	7131606		Huyện Ủy Đắk G'Long	123/QĐ-SKH 18/8/2006; 167/QĐ-SKH 13/10/2006; 16/QĐ-SKH 07/03/2007	6.736	6.736			15		15	0			0%			
9	Nghĩa trang thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông	7196277		UBND thị xã Gia Nghĩa	227/QĐ-SKH, 30/10/2013	15.205	15.205			1		1	0			0%			
10	Xây tường rào đài tưởng niệm huyện Tuy Đức	7307908		UBND huyện Tuy Đức	47/QĐ-SKH, 29/9/2011	17.783	17.783			156		156	0			0%			
11	Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản tỉnh Đắk Nông	7391958		Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản tỉnh Đắk Nông	1630A/QĐ-UBND, 31/10/2012	1.340	1.340			352		352	0			0%			

STT	Nguồn vốn - Danh mục công trình (dự án)	Mã dự án	Mã ngành kinh tế	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư được cấp thẩm quyền giao KH các năm			Lũy kế bổ trí vốn đến hết năm 2017		Kế hoạch vốn được giải ngân trong năm 2018			Tình hình giải ngân kế hoạch đến hết 15/10/2018			Tỷ lệ giải ngân kế hoạch		Nguyên nhân	Ghi chú
					Số quyết định	TMDT	Trong đó: NSNN	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN	Tổng kế hoạch năm 2018	Trong đó		Tổng kế hoạch năm 2018	Trong đó		Tổng kế hoạch năm 2018	Kế hoạch giao năm 2018		
											Kế hoạch giao năm 2018	Kế hoạch năm 2017 kéo dài		Kế hoạch giao năm 2018	Kế hoạch năm 2017 kéo dài				
12	Hồ Thác Hôn, xã Đức Mạnh, huyện Đắk Mil (thuộc danh mục công trình thủy lợi phục vụ đồng bào DTTS, vùng sâu, vùng xa)	7363877		UBND huyện Đắk Mil	169/QĐ-SKH, 31/10/2012	7.280	7.280			447		447	0			0%			
13	Mở rộng vùng phủ sóng chương trình truyền hình địa phương tỉnh Đắk Nông	7054437		Đài phát thanh truyền hình tỉnh	1714/QĐ-UBND, 12/11/2009	31.003	31.003			303		303	0			0%			
14	Thủy lợi Buôn Lang xã Quảng Phú, huyện Krông Nô	7091192		UBND huyện Krông Nô	1747/QĐ-UBND, 23/8/2006	4.961	4.961			214		214	18		18	8%			
15	Trạm quản lý bảo vệ rừng liên xã (Trạm số 2) thuộc dự án đầu tư rừng phòng hộ Nam Cát Tiên	7281625		Ban quản lý rừng phòng hộ Nam Cát Tiên	151/QĐ-SKH, 09/10/2009; 194/QĐ-SKH, 13/11/2012	600	600			82		82	0			0%			
16	Trụ sở làm việc Tỉnh ủy và Kho lưu trữ tài liệu tỉnh Đắk Nông	7059254		Văn phòng Tỉnh ủy Đắk Nông	890/QĐ-UBND 16/9/2004	44.984	44.984			322		322	0			0%			
17	Hệ thống hạ tầng kỹ thuật Khu trung tâm hành chính thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông	7036777		Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	95/QĐ-CTUBND, 25/01/2005; 140/QĐ-CTUBND, 14/01/2010	55.923	55.923			0		0	0			0%			
18	Trụ sở làm việc UBND tỉnh Đắk Nông	7037509		Văn phòng UBND tỉnh	1399/QĐ-CTUBND, 24/10/2007; 532/QĐ-UBND 17/4/2010; 1977/QĐ-UBND, 26/12/2014; 72/QĐ-UBND	139.231	139.231			12		12	0			0%			
19	Hệ thống đèn chiếu sáng và đèn trang trí đường Bắc Nam giai đoạn 2, thị xã Gia Nghĩa	7430627		UBND thị xã Gia Nghĩa	232/QĐ-SKH, 31/10/2013	9.400	9.400			14		14	0			0%			
20	Đường trục chính huyện Tuy Đức	7224611		UBND huyện Tuy Đức	1286/QĐ-UBND, 27/10/2009; 906/QĐ-UBND	55.848	55.848			40		40	0			0%			

STT	Nguồn vốn - Danh mục công trình (dự án)	Mã dự án	Mã ngành kinh tế	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư được cấp thẩm quyền giao KH các năm			Lũy kế bố trí vốn đến hết năm 2017		Kế hoạch vốn được giải ngân trong năm 2018			Tình hình giải ngân kế hoạch đến hết 15/10/2018			Tỷ lệ giải ngân kế hoạch		Nguyên nhân	Ghi chú
					Số quyết định	TMDT	Trong đó: NSNN	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN	Tổng kế hoạch năm 2018	Trong đó		Tổng kế hoạch năm 2018	Trong đó		Tổng kế hoạch năm 2018	Kế hoạch giao năm 2018		
											Kế hoạch giao năm 2018	Kế hoạch năm 2017 kéo dài		Kế hoạch giao năm 2018	Kế hoạch năm 2017 kéo dài				
21	Trung tâm Hội nghị và nhà khách tỉnh Đắk Nông	7032586		Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	891/QĐ-UB, 16/9/2004; 1977/QĐ-UBND, 27/12/2007	103.526	103.526			0		0	0			0%			
26	Đường Đạo Nghĩa - Quảng Khê, tỉnh Đắk Nông	7281576		Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Đắk Nông	1147/QĐ-UBND, 30/7/2015; 2076/QĐ-UBND, 22/12/2015	867.000	867.000			15.022		15.022	15.022		15.022	100%			
27	Đường giao thông Quốc lộ 28 vào Khu du lịch sinh thái, văn hóa kết hợp công viên vui chơi giải trí Liêng Nung	7487525		UBND thị xã Gia Nghĩa	1639/QĐ-UBND, 30/10/2014	24.000	24.000			1.905		1.905	1.136		1.136	60%			
28	Trạm y tế 02 tầng xã Thuận Hà, huyện Đắk Song	7381539		UBND huyện Đắk Song	1173/QĐ-UBND, 31/10/2012 của UBND huyện Đắk Song	5.000	5.000			10		10	0			0%			
C	Nguồn vốn chương trình MTQG									141.415	117.548	23.867	22.160	14.464	7.696	16%	12%		
1	Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững									59.201	43.248	15.953	8.763	3.973	4.790	15%	9%		
2	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới									82.214	74.300	7.914	13.397	10.491	2.906	16%	14%		
D	Nguồn vốn ODA					1.196.408	1.067.198	0	0	426.168	426.168	0	131.141	131.141	0	31%	31%		
I	Các dự án chuyển tiếp, hoàn thành sau năm 2017																		
1	Dự án Chăm sóc sức khỏe nhân dân các tỉnh Tây nguyên giai đoạn 2, tỉnh Đắk Nông	7512882	131	Ban quản lý dự án Chăm sóc sức khỏe nhân dân tỉnh Đắk Nông, giai đoạn 2, Sở Y tế	696/QĐ-UBND, 18/5/2015	287.551	259.871			68.000	68.000		24.874	24.874		37%	37%	Chậm triển khai	
2	Dự án hỗ trợ xử lý chất thải y tế bệnh viện, tỉnh Đắk Nông			Sở Y tế tỉnh Đắk Nông	147/QĐ-BYT, 21/01/2011, Quyết định số 2355/QĐ-TTg ngày 06/12/2016	45.672	39.382			19.000	19.000		3.000	3.000		16%	16%	Chậm triển khai	

STT	Nguồn vốn - Danh mục công trình (dự án)	Mã dự án	Mã ngành kinh tế	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư được cấp thẩm quyền giao KH các năm			Lũy kế bố trí vốn đến hết năm 2017		Kế hoạch vốn được giải ngân trong năm 2018			Tình hình giải ngân kế hoạch đến hết 15/10/2018			Tỷ lệ giải ngân kế hoạch		Nguyên nhân	Ghi chú
					Số quyết định	TMDT	Trong đó: NSNN	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN	Tổng kế hoạch năm 2018	Trong đó		Tổng kế hoạch năm 2018	Trong đó		Tổng kế hoạch năm 2018	Kế hoạch giao năm 2018		
											Kế hoạch giao năm 2018	Kế hoạch năm 2017 kéo dài		Kế hoạch giao năm 2018	Kế hoạch năm 2017 kéo dài				
3	Tiểu dự án sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8) tỉnh Đắk Nông, do Ngân hàng thế giới tài trợ	7593791	283	Ban quản lý tiểu dự án Sửa chữa và nâng cao an toàn đập (Ban quản lý Tiểu dự án WB8)	2037/QĐ-UBND ngày 24/11/2016	229.630	184.867			79.768	79.768		967	967		1%	1%	Đang hoàn tất đầu thầu xây lắp	
4	Dự án giảm nghèo khu vực Tây Nguyên, tỉnh Đắk Nông	7344152	341	Ban quản lý dự án giảm nghèo khu vực tây nguyên tỉnh Đắk Nông - Sở Kế hoạch và Đầu tư	1702/QĐ-UBND, 29/10/2013	432.600	399.000			149.000	149.000		102.300	102.300		69%	69%		
5	Chương trình mở rộng quy mô nước sạch nông thôn dựa trên kết quả vay vốn Ngân hàng thế giới giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông			Sở NN&PTNT	2316/QĐ-UBND ngày 16/12/2016	200.955	184.078			43.475	43.475		0	0			0%	Mới được phân khai	
6	Thông báo sau									66.925	66.925		0			0%	0%		
E	Nguồn TPCP					878.537	785.234	0	0	565.612	500.000	65.612	39.424	2.503	36.921	7%	1%		
I	Khởi công mới năm 2018					785.000	700.000	0	0	500.000	500.000	0	2.503	2.503	0	1%	1%		
1	Hồ Gia Nghĩa, thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông	7654939	283	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Đắk Nông	1682/QĐ-UBND 19/10/2017	785.000	700.000			500.000	500.000		2.503	2.503		1%	1%	Đang hoàn thiện hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công	
II	Các dự án chuyển nhiệm vụ chi 2017 sang năm 2018					93.537	85.234	0	0	65.612	0	65.612	36.921	0	36.921	56%			
1	Các công trình thuộc Chương trình kiên cố hóa trường lớp học mầm non và tiểu học giai đoạn 2017 - 2020 huyện Krông Nông			UBND huyện Krông Nông	1070/QĐ-UBND ngày 29/6/2017;	18.000	16.600			9.445		9.445	6.585		6.585	70%			
2	Các dự án thuộc Chương trình kiên cố hóa trường lớp học mầm non và tiểu học giai đoạn 2017 - 2020 huyện Cư Jút			UBND huyện Cư Jút	1015/QĐ-UBND ngày 02/6/2017	5.500	5.400			950		950	950		950	100%			
3	Các Công trình thuộc Chương trình kiên cố hóa trường lớp học mầm non và tiểu học giai đoạn 2017 - 2020 huyện Đắk Song			UBND huyện Đắk Song	1329/QĐ-UBND 14/8/2017	16.300	16.300			14.551		14.551	4.999		4.999	34%			

STT	Nguồn vốn - Danh mục công trình (dự án)	Mã dự án	Mã ngành kinh tế	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư được cấp thẩm quyền giao KH các năm			Lũy kế bố trí vốn đến hết năm 2017		Kế hoạch vốn được giải ngân trong năm 2018			Tình hình giải ngân kế hoạch đến hết 15/10/2018			Tỷ lệ giải ngân kế hoạch		Nguyên nhân	Ghi chú
					Số quyết định	TMDT	Trong đó: NSNN	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN	Tổng kế hoạch năm 2018	Trong đó		Tổng kế hoạch năm 2018	Trong đó		Tổng kế hoạch năm 2018	Kế hoạch giao năm 2018		
											Kế hoạch giao năm 2018	Kế hoạch năm 2017 kéo dài		Kế hoạch giao năm 2018	Kế hoạch năm 2017 kéo dài				
4	Các Công trình thuộc Chương trình kiên cố hóa trường lớp học mầm non và tiểu học giai đoạn 2017 - 2020 huyện Đắk Glong			UBND huyện Đắk Glong	1318/QĐ-UBND 11/8/2017	24.600	19.100			16.722		16.722	11.616		11.616	69%			
5	Các dự án thuộc Chương trình kiên cố hóa trường lớp học mầm non và tiểu học giai đoạn 2017 - 2020 huyện Đắk R'Lấp			UBND huyện Đắk R'Lấp	193/QĐ-SXD 18/7/2017; 234/QĐ-SXD 23/8/2017	6.703	5.400			4.578		4.578	4.296		4.296	94%			
6	Các dự án thuộc Chương trình kiên cố hóa trường lớp học mầm non và tiểu học giai đoạn 2017 - 2020 huyện Tuy Đức			UBND huyện Tuy Đức	195/QĐ-SXD 19/7/2017; 273/QĐ-SXD 13/10/2017	11.817	11.817			10.400		10.400	5.259		5.259	51%			
7	Các dự án thuộc Chương trình kiên cố hóa trường lớp học mầm non và tiểu học giai đoạn 2017 - 2020 huyện Đắk Mi			UBND huyện Đắk Mi	196/QĐ-SXD; 19/7/2017; 257/QĐ-SXD 21/9/2017	10.617	10.617			8.967		8.967	3.216		3.216	36%			

Phụ lục 03

TÌNH HÌNH GIẢI NGÂN VỐN ĐẦU TƯ CTMTQG ĐẾN 15/10/2018

(Kèm theo Báo cáo số 535 /BC-SKH ngày 23 tháng 10 năm 2018 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Nông)

ĐVT: Đồng

STT	Đơn vị	Kế hoạch vốn năm 2018			Số giải ngân			Tỷ lệ Giải ngân KHV 2018
		Tổng cộng	Kéo dài	KHV 2018	Tổng cộng	Kéo dài	KHV 2018	
1	2	3=4+5	4	5	6=7+8	7	8	
	Tổng cộng	108.248.048.200	23.845.048.200	84.403.000.000	30.076.153.550	14.051.445.550	16.024.708.000	19%
	CTMTQG giảm nghèo	47.055.925.200	15.952.925.200	31.103.000.000	14.977.460.050	9.711.962.050	5.265.498.000	17%
	CTMTQG nông thôn mới	61.192.123.000	7.892.123.000	53.300.000.000	15.098.693.500	4.339.483.500	10.759.210.000	20%
1	Krông Nô	17.902.740.000	7.246.740.000	10.656.000.000	11.434.336.000	7.109.253.000	4.325.083.000	41%
	CTMTQG giảm nghèo	10.235.026.000	5.584.026.000	4.651.000.000	7.675.982.000	5.582.899.000	2.093.083.000	45%
	CTMTQG nông thôn mới	7.667.714.000	1.662.714.000	6.005.000.000	3.758.354.000	1.526.354.000	2.232.000.000	37%
2	Đắk Mil	7.019.334.000	127.334.000	6.892.000.000	540.000.000	0	540.000.000	8%
	CTMTQG giảm nghèo	1.811.824.000	20.824.000	1.791.000.000	540.000.000		540.000.000	30%
	CTMTQG nông thôn mới	5.207.510.000	106.510.000	5.101.000.000				0%
3	Đắk Rlấp	11.334.202.000	943.202.000	10.391.000.000	6.381.286.000	715.023.000	5.666.263.000	55%
	CTMTQG giảm nghèo	5.214.202.000	934.202.000	4.280.000.000	1.333.123.000	715.023.000	618.100.000	14%
	CTMTQG nông thôn mới	6.120.000.000	9.000.000	6.111.000.000	5.048.163.000		5.048.163.000	83%
4	Cư Jút	6.455.721.000	117.721.000	6.338.000.000	0			0%
	CTMTQG giảm nghèo	2.416.721.000	117.721.000	2.299.000.000				0%
	CTMTQG nông thôn mới	4.039.000.000	-	4.039.000.000				0%
5	Đắk Song	6.354.236.200	118.236.200	6.236.000.000	0			0%
	CTMTQG giảm nghèo	1.878.614.200	53.614.200	1.825.000.000				0%
	CTMTQG nông thôn mới	4.475.622.000	64.622.000	4.411.000.000				0%
6	Đắk Glong	35.003.082.000	11.729.082.000	23.274.000.000	5.388.476.550	5.131.464.550	257.012.000	1%
	CTMTQG giảm nghèo	16.251.809.000	7.856.809.000	8.395.000.000	3.589.340.050	3.414.040.050	175.300.000	2%
	CTMTQG nông thôn mới	18.751.273.000	3.872.273.000	14.879.000.000	1.799.136.500	1.717.424.500	81.712.000	1%
7	Tuy Đức	22.572.107.000	3.550.107.000	19.022.000.000	6.332.055.000	1.095.705.000	5.236.350.000	28%
	CTMTQG giảm nghèo	9.247.729.000	1.385.729.000	7.862.000.000	1.839.015.000	0	1.839.015.000	23%
	CTMTQG nông thôn mới	13.324.378.000	2.164.378.000	11.160.000.000	4.493.040.000	1.095.705.000	3.397.335.000	30%
8	Thị xã Gia Nghĩa	1.606.626.000	12.626.000	1.594.000.000				0%
	CTMTQG giảm nghèo	0	-	0				
	CTMTQG nông thôn mới	1.606.626.000	12.626.000	1.594.000.000				0%